



Quốc Văn Giáo Khoa Thư - Lớp Dự Bị

Danh mục sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư - Lớp Dự Bị

01. Tràn học vui.
02. Ngày giờ đi học.
03. Đi học để làm gì.
04. Lịch sử nước ta.
05. Khuyên hiếu đễ.

06. Mau trí khôn.
07. Người ta cần phải làm việc.
08. Dân tộc Việt Nam.
09. Làng tôi.
10. Chọn bạn mà chơi.
11. Khuân tảng đá.
12. Nội thuộc nước Tàu.
13. Ông tôi.
14. Bà ru cháu.
15. Cây sen.
16. Truyện hai chị em bà Trưng.
17. Truyện người Thừa Cung.
18. Đồ làm ruộng.
19. Bệnh ghẻ.
20. Bệnh ghẻ (tiếp theo).
21. Nhờ có cuộc nội thuộc nước Tàu, mà người nước Nam được những gì?
22. Học trò chăm học.
23. Học trò lười biếng.
24. Chữ nhỏ.
25. Nên giúp đỡ lẫn nhau.
26. Lễ phép với người tàn tật.
27. Cày cấy.
28. Truyện ông Ngô Quyền.
29. Mây và mưa.
30. Thợ làm nhà.
31. Chăn trâu.
32. Vua Lý Thái Tổ dời đô ra thành Hà Nội.
33. Chỗ quê hương đẹp hơn cả.
34. Ngoan (giỏi) được khen, hư phải chê.
35. Con ong.
36. Ông Trần Quốc Tuấn.
37. Mấy lời khuyên về vệ-sinh.
38. Ngày giỗ.
39. Bữa cơm ngon.
40. Ông Lê Lai liều mình cứu chúa.
41. Tôi ở nhà.
42. Con cò mà đi ăn đêm.
43. Ta không nên ngã lòng.
44. Truyện gương thân của vua Lê Lợi.
45. Cái cày.
46. Con trâu.
47. Con chim với người làm ruộng.
48. Vua Lê Thánh Tôn.
49. Kính trọng người già cả.
50. Lòng thương kẻ tội-tớ.
51. Học trò biết ơn thầy.

52. Các khoa thi.
53. Học thuộc lòng.
54. Làm người phải học.
55. Chùa làng tôi.
56. Một kẻ thoán nghịch: Mạc Đăng Dung.
57. Mưa dầm gió bắc.
58. Cơn mưa.
59. Đứa bé và con mèo.
60. Ông Nguyễn Kim.
61. Trang sức.
62. Ăn mặc phải giữ gìn.
63. Một cái thư.
64. Ông tổ sáng nghiệp ra nhà Nguyễn: Ông Nguyễn Hoàng.
65. Thư gửi mừng thầy học.
66. Cái cò, cái vạc, cái nông.
67. Chim sơn ca (chuyện chuyện).
68. Lũy Đồng Hới.
69. Con chuột.
70. Ở sạch thì không hay đau mắt.
71. Lý trưởng làng ta.
72. Cô Alexandre de Rhodes và việc đặt ra chữ quốc ngữ.
73. Tuần phu.
74. Thú thật.
75. Đi câu.
76. Vua Gia Long.
77. Người đi cây.
78. Da.
79. Người ta cần phải vận động.
80. Ông Bá đa Lộc.
81. Ba thầy thuốc giỏi.
82. Phải có thứ tự.
83. Rau muống.
84. Ông Phan Thanh Giản.
85. Bắp ngô.
86. Gừng và riềng.
87. Chuyện ông Tử Lộ.
88. Giặc khách ở Bắc kỳ [Việt].
89. Phải bạo dạn mới được.
90. Chuyện Sơn tinh, Thủy tinh.
91. Anh em phải hòa thuận.
92. Ông Paul Bert.
93. Bệnh chó dại.
94. Nước có trị thì dân mới an.
95. Đèn Ngọc Sơn ở Hà Nội.
96. Thành phố Sài Gòn.
97. Không đánh đảo.

98. Tiếng động ban đêm.
99. Gió.
100. Các lăng tẩm ở Huế.
101. Công nghệ.
102. Phải tuân theo pháp luật.
103. Người đi buôn thật thà.
104. Hà Nội, kinh đô mới ngày nay.
105. Chơi đùa không phải là vô ích.
106. Ông vua có lòng thương dân.
107. Mặt trời.
108. Đường xe lửa chạy suốt xứ Đông pháp [Dương].
109. Mặt trăng.
110. Các cách đi thủy đi bộ.
111. Cối giã gạo.
112. Cuộc dẫn thủy nhập điền.
113. Nhà ở phải sạch sẽ và có ngăn nắp.
114. Các tinh tú.
115. Công việc của người làm ruộng.
116. Viện Pasteur.
117. Nghỉ hè.
118. Ông già với bốn người con.
119. Người khôn hơn loài vật.
120. Trường Đại học.

Ghi chú:

Trong sách này, những tiếng đứng giữa ngoặc đơn, hay (), là tiếng Trung kỳ của tiếng Bắc kỳ đứng trước; những tiếng có số ở dưới bài là tiếng Nam kỳ của tiếng Bắc kỳ có số viết lên trên (superscript) tương ứng.

Ví dụ 1: này (này); (này): tiếng “này”, đứng giữa ngoặc đơn (), là tiếng Trung kỳ của “này”, tiếng Bắc kỳ.

Ví dụ 2: xin xem câu “Thợ nề⁽¹⁾, thợ mộc có làm nhà, thì ta mới có nhà mà ở” trong bài “7. NGƯỜI TA CẦN PHẢI LÀM VIỆC” dưới đây và tiếng có số “(1) thợ hồ”, bên dưới bài (nhưng không nằm trong phần giải nghĩa). Ở đây với “(1) thợ hồ” có nghĩa là “thợ hồ” là tiếng Nam kỳ của “thợ nề”⁽¹⁾, tiếng Bắc kỳ với số viết lên trên ở đây là (1). Nói cách khác, “thợ nề” là tiếng Bắc kỳ và “thợ hồ” là tiếng Nam kỳ có cùng một ý nghĩa. Xin xem chú cước ở cuối bài TIÊU DẪN trong QVGKT - Lớp Đồng Ấu.

Trong bản đánh máy này, những từ đứng giữa dấu ngoặc ôm, hay square brackets [], là từ dùng trong Tuyển Tập QVGKT do nhà xuất bản Văn Học in vào tháng 8 năm 2011 và từ đứng trước dấu ngoặc ôm [] có nét gạch dưới (underline) là từ dùng trong QVGKT - Lớp DỰ BỊ ấn bản năm 1935 (sách tôi mượn ở thư viện). Ví dụ: nhón nhao [lớn lao], Nam [Việt Nam], (xin xem bài “4. LỊCH SỬ NƯỚC TA” dưới đây), trong đó nhón nhao, Nam là các từ dùng trong QVGKT - Lớp DỰ BỊ ấn bản năm 1935 và “lớn lao”, “Việt Nam” là các từ dùng trong QVGKT - Lớp DỰ BỊ ấn bản năm 1948 được in lại trong Tuyển Tập QVGKT, NXB Văn Học. Sự khác biệt này là do sự khác biệt giữa ấn bản năm 1935 trong QVGKT - Lớp DỰ BỊ (sách tôi mượn ở thư viện) và ấn bản năm 1948 được in lại (với giả thuyết là NXB Văn Học in lại nguyên văn) trong Tuyển Tập

QVGKT, NXB Văn Học. Nói cách khác đọc giả đọc bản đánh máy này là đọc hai ấn bản năm 1935 và năm 1948 của QVGKT - Lớp DỰ BỊ, ấn bản năm 1948 nằm trong các dấu ngoặc ôm [].

Thêm vào các sự khác biệt nói trên, theo tài liệu tham khảo (8) trong post #1, GS Nguyễn Phú Phong cho biết QVGKT - Lớp DỰ BỊ ấn bản năm 1948 chỉ có 119 bài trong khi chúng ta thấy ở đây QVGKT - Lớp DỰ BỊ ấn bản năm 1935 có 120 bài. Bài nào đã bị bỏ đi trong QVGKT - Lớp DỰ BỊ ấn bản năm 1948, chúng ta không được rõ vì không có trong tay nguyên bản QVGKT - Lớp DỰ BỊ ấn bản năm 1948.

Ngoài ra với các từ ghép, QVGKT ấn bản năm 1935 hay dùng dấu nối, hay hyphen (-), giữa các từ này. Ví dụ: cao-ráo, lêu-lổng trong QVGKT ấn bản năm 1935. Ngày nay ít ai dùng dấu nối (-) giữa các từ ghép, trừ các từ phiên âm từ các tiếng nước ngoài, như bu-gi, ki-lo-gam (do các từ bougie, kilogramme của Pháp). Trong bản đánh máy này, các từ ghép sẽ không dùng các dấu nối (-), khác với các từ ghép trong nguyên bản QVGKT ấn bản năm 1935.

Cuối cùng, trong bản đánh máy này, không có phần bài tập cuối mỗi bài như trong nguyên bản.

(Ghi chú của TV).

1. TRÀNG HỌC VUI

Nhà gạch mái ngói thật cao ráo, chắc chắn. Ngoài thì cửa chớp (cửa lá sách) sơn sanh, trong thì cửa kính (cửa gương) sáng sủa.

Lớp nào lớp ấy, bàn ghế toàn bằng gỗ lim, *đánh bóng*. Trên tường treo nhiều bản đồ. Trong tủ có nhiều sách chữ tây và chữ quốc ngữ.

Thầy giáo dạy biết bao nhiêu học trò, cậu nào cậu ấy ngồi nghe có ý chăm chỉ lắm.

Ấy, tràng học vui vẻ như vậy. Sao ta chẳng rủ nhau đi học. Có học mới biết, mới khôn được.

Giải nghĩa:

Đánh bóng = làm cho bóng, đánh cho gỗ lên nước. Người ta thường đánh bàn ghế bằng lá chuối khô hoặc bằng giẻ.

Ta nên bảo nhau đi học

2. NGÀY GIỜ ĐI HỌC

Trừ ngày chủ nhật và ngày thứ năm, mỗi tuần lễ tôi đi học năm ngày. Mỗi ngày học hai buổi: buổi sáng và buổi chiều. Sáng học ba giờ chiều học hai giờ rưỡi. Buổi nào cũng có nghỉ mười lăm phút vào khoảng giữa buổi, để học trò ra chơi cho *giải trí*.

Ấy ngày giờ tôi học là thế, còn cách học tập thì mỗi giờ thầy dạy một bài, mà bài nào cũng có ích cả. Thầy chịu khó dạy, tôi chăm chỉ học, chẳng khi nào bỏ phí thì giờ.

Giải nghĩa:

Giải trí = nghỉ trí khôn.

Đừng bỏ phí thì giờ

3. ĐI HỌC ĐỂ LÀM GÌ?

Bác hỏi tôi đi học để làm gì. Tôi xin nói bác nghe.

Tôi đi học để biết đọc những thư từ người ta gửi cho tôi và viết những thư từ tôi gửi cho người ta. Tôi đi học để biết đọc sách, đọc nhật báo, thấy điều gì hay thì bắt chước.

Tôi đi học để biết tính toán, biết mọi sự vật và biết phép vệ sinh mà giữ thân thể cho khoẻ mạnh.

Nhưng tôi đi học cốt nhất là biết luân lý, cho hiểu cách ăn ở để thành đấng người con hiếu thảo và người dân *luong thiện*.

Giải nghĩa:

Luong thiện = hiền lành, tử tế.

Người không học, không biết lễ

4. LỊCH SỬ NƯỚC TA

Ta học sử để biết những việc đời trước. Thuở người ta chưa biết đặt ra chữ viết thì chỉ đem những công việc trong đời mình và những chuyện xảy ra trong nước kể lại cho con cháu nghe. Những chuyện ấy cứ truyền miệng như thế hết đời nọ sang đời kia, nên quên đi ít nhiều cùng sửa đổi lại mà thành ra chuyện cổ tích. Chuyện cổ tích không phải là thực cả, nhưng hay, nên ta thích kể.

Ta biết sử nhất là vì có sách cổ để lại. Trong lăm pho sách như pho Quốc sử, tổ tiên ta có chép những công việc nhón nhào [lớn lao] trong nước Nam [Việt Nam] và chuyện các đấng vĩ nhân anh hùng nữa. Tổ tiên ta còn để lại những bút tích trong đền chùa, lăng tẩm và bia nữa.

Giải nghĩa:

Vĩ nhân = người tài giỏi hơn mọi người khác.

Anh hùng = người làm những việc hiển hách.

Bút tích = cái gì người đời xưa chép mà còn lại đến bây giờ.

Lăng tẩm = mồ mả của vua chúa, xây đắp đẹp đẽ.

Truyện cổ tích hay.

5. KHUYẾN HIẾU ĐỂ

(Bài học thuộc lòng)

Cha sinh, mẹ *dưỡng*,
Đức cù lao lấy lượng nào đong.
Thờ cha mẹ ở hết lòng,
Ấy là chữ hiếu dạy trong *luân thường*.
Chữ để nghĩa là nhường,
Nhường anh, nhường chị, lại nhường người trên.
Ghi lòng tạc dạ chớ quên,
Con em phải giữ lấy *nền* con em.

Giải nghĩa:

Dưỡng = nuôi nấng.

Đức cù lao = công lao cha mẹ.

Lấy lượng nào đong = nhiều lắm, không thể nào đong được.

Luân thường = ngũ luân, ngũ thường, nghĩa là đạo ăn ở với mọi người.

Nền = đây nghĩa là thứ bậc.

Con phải hết lòng thờ cha mẹ.

6. MAU TRÍ KHÔN

Một hôm, anh Giáp và lũ trẻ trong làng rủ nhau ra chơi ở trước sân đình, bên cạnh cái ao. Trong khi mấy anh em đang đánh quần, đánh đáo với nhau, thì anh Tý nom thấy con *chuồn chuồn* đậu trên cành đào, ở gần bờ ao, liền bỏ chạy đi đuổi bắt. Bỗng nghe tiếng kêu, mọi người ngoảnh lại, thì thấy anh Tý đang loì nhoi (*cui-quây* [cựa-quậy]) dưới nước. Mấy đứa trẻ kia trông thấy, *hoảng hốt*, sợ hãi bỏ chạy mỗi đứa một nơi kêu la *rầm rĩ*. Anh Giáp không chạy đâu cả, trông trước, trông sau, thấy có cây sào dựng bên cạnh đình, liền vác ra, bỏ xuống ao cho anh Tý *núu* lấy mà lên. Thế là nhờ có anh Giáp *mau trí khôn* mà cứu được anh Tý khỏi chết đuối.

Giải nghĩa:

Mau trí khôn = sáng trí, gặp việc khó mà tinh thần tỉnh táo, không hốt hoảng.

Chuồn chuồn = một thứ côn trùng có bốn cánh mỏng, đuôi dài.

Hoảng hốt = vội vàng, sợ hãi.

Rầm rĩ = om sòm.

Núu = nắm chặt.

Lúc nguy cấp cần phải mau trí khôn.

7. NGƯỜI TA CẦN PHẢI LÀM VIỆC

Người làm ruộng có *trông trọt* cây cấy, thì ta mới có thóc gạo mà ăn. Thợ *nề*⁽¹⁾ [nề], thợ mộc có làm nhà, thì ta mới có nhà mà ở. Thợ dệt có dệt vải, thợ may có may quần áo, thì ta mới có đồ mặc vào mình. Quyển sách ta học cũng phải có người làm, người in. Cái đường ta đi cũng phải có người sửa, người quét. Nói tóm lại, *nhất thiết* một chút gì ta cần dùng đến, cũng là có người chịu khó làm việc mới nên.

(1) thợ hồ. [] -- ([] có nghĩa là ấn bản 1948 không có chú thích này.)

Giải nghĩa:

Trông trọt = có nơi gọi là trông tria.

Nhất thiết = cái gì cũng *điều* [đều] như thế cả.

Ai ai cũng phải làm việc.

8. DÂN TỘC VIỆT NAM

(Bài này không có trong Tuyển Tập QVGKT, NXB Văn Học, ấn bản 2011)

Tổ tiên ta đời xưa gốc tích ở mạn nam nước Tàu, sau bỏ đất Tàu, đi xuống phía nam rồi đến ở xứ Bắc kỳ và miền bắc xứ Trung kỳ bây giờ.

Về phía bắc thì người Việt nam phải chống chọi với người Tàu mãi. Sau thua Tàu mà phải họ *đỗ hộ* mất hơn một nghìn năm.

Nhưng về nam, thì trước nhờ có người Tàu, sau tự lực, đánh được người *Chiêm thành*,

chiếm lấy nước họ, lại chiếm thêm một phần nước Cao mên nữa.
Xem như thế thì người Việt nam cứ dần dần tiến về phía nam từ biên thùy nước Tàu cho đến vịnh Xiêm la vậy.

Giải nghĩa:

Đô hộ = chiếm giữ và cai trị một nước khác.

Chiêm thành = một dân tộc ngày xưa ở vào mạn giữa và mạn nam xứ Trung kỳ bây giờ.

Cao mên = phần nước Cao mên mà người Nam ta chiếm lấy ngày xưa gọi là Thủy chân Lạp, nay là đất Nam kỳ.

Biên thùy = chỗ nước mình giáp nước khác.

Người Việt Nam ngày xưa vốn ở mạn nam nước Tàu.

9. LÀNG TÔI

Làng tôi ở gần tỉnh. Xung quanh làng có lũy tre, đứng ngoài không nom thấy nhà cửa. Đầu làng cuối làng có cổng⁽¹⁾ xây bằng gạch. Trong làng thì nhà [thì có nhà] cửa phần nhiều là nhà lá. Nhà nào cũng có sân, có vườn, hoặc có ao nữa; xung quanh có hàng rào tre. Ngoài vườn thì trồng rau, khoai cùng các thứ cây có quả. Đường sá thì chỉ con đường chạy thẳng qua làng là rộng, còn thì những lối đi hẹp, khúc khuỷu quanh co. Được ít lâu nay, đường ngõ lát gạch khắp cả, nên mới sạch sẽ, chứ trước hễ trời mưa là *lâm lội* [lâm lội] dơ bẩn⁽²⁾, đi lại rất là khó chịu.

(1) cửa ngõ – (2) dấy.

Giải nghĩa:

Lũy = bờ đất có tre trồng làm hàng rào.

Lâm lội [Lâm lội] = có bùn, có nước.

Sống ở làng, sang ở nước.

10. CHỌN BẠN MÀ CHƠI

Thói thường “Gần mực thì đen...”
Anh em bạn hữu phải nên chọn người.
Những người *lêu lổng* chơi bời,
Cùng là lười biếng, ta thời tránh xa.

Đại ý:

Tục ngữ có câu rằng: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, nghĩa là mực có sắc đen, đèn có ánh sáng, mình gần mực thì vấy đen, gần đèn thì được sáng. Ý nói chơi với kẻ dở thì hóa dở, chơi với người hay thì được hay. Vậy ta phải chọn bạn mà chơi.

Giải nghĩa:

Hữu = cũng nghĩa là bạn bè.

Lêu lổng = chơi bời không có nghề nghiệp gì.

Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

11. KHUÂN TẶNG ĐÁ

Trời nhá nhem (chạng vạng) tối. Tôi thấy một ông cụ già hì hục khuân một tảng đá, nhấc lên, để xuống đến bốn năm lần, mới đem được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy. Tôi lấy làm lạ, chạy lại hỏi, thì ông cụ vừa thở vừa nói rằng: “*Lão* đi lờ vấp phải tảng đá này, *sậy* cả chân, đau lắm. Nên lão khuân bỏ vào đây, sợ cứ để đấy, lại có người vấp nữa chăng.”

Tôi thấy nói, lấy làm nghĩ. Ông cụ già chịu nhọc mình một chút, để đỡ cho người đi đêm trên con đường không vấp phải tảng đá, cũng là một việc làm phúc đáng khen vậy.

Giải nghĩa:

Lão = tiếng người già tự xưng.

Sậy = rách da.

Ta nên giúp đỡ lẫn nhau.

12. NỘI THUỘC NƯỚC TÀU

(Bài này không có trong Tuyển Tập QVGKT, NXB Văn Học, ấn bản 2011)

Nước ta ngày xưa gồm cả xứ Bắc kỳ và phía bắc xứ Trung kỳ bây giờ. Về phía bắc thì có nước Tàu, là một nước lớn hơn và *hùng cường* hơn nước ta.

Có một đạo quân Tàu sang đánh lấy nước ta rồi sáp nhập vào đất Tàu: từ đó nước ta phải nội thuộc nước Tàu trong hơn một nghìn năm.

Những quan lại Tàu sang cai trị nước ta thường là tàn bạo tham lam cả. Bởi vậy người nước ta nhiều lần nổi lên đánh đuổi người Tàu đi, khi thì thất bại, khi thì thành công nhưng chẳng được bao lâu. Đến thế kỷ thứ mười, nhân bên Tàu *nội loạn*, có người thủ lĩnh Việt Nam tên là Ngô Quyền *khởi nghĩa* đánh đuổi quân Tàu đi, từ đó nước ta mới được *tự chủ*.

Giải nghĩa:

Hùng cường = giỏi và mạnh.

Nội loạn = cuộc rối loạn trong một nước, khi người cùng nước ấy đánh lẫn nhau.

Khởi nghĩa = vì một việc chánh đáng mà nổi lên chống cự lại.

Tự chủ = mình cai trị lấy mình.

Ông Ngô Quyền đánh đuổi người Tàu ra khỏi nước Nam.

13. ÔNG TÔI

Ông tôi năm nay đã ngoài sáu mươi tuổi. Đầu râu tóc bạc, da đã giăn (nhăn), má đã *lõm* (cọp), lưng đã còng⁽¹⁾, đi đâu phải chống gậy.

Ông tôi không phải làm việc gì nặng nhọc nữa. Thường ở nhà coi sóc cho cha mẹ tôi và dạy bảo chúng tôi. Thịnh thoảng lại kể chuyện *cổ tích* cho chúng tôi nghe, chúng tôi lấy làm thích lắm. Những khi đi học về, thường thường tôi lại đem những chuyện nhà trường nói cho ông tôi nghe. Ông tôi lại nhân đấy mà giảng giải cho tôi học được nhiều điều khác nữa.

(1) còm.

Giải nghĩa:

Lỡm = trững xuống.
Cổ tích = chuyện đời xưa.

Ông tôi già mà vui tính.

14. BÀ RU CHÁU

Trưa mùa hè, trời nắng chang chang, gió im phăng phắc. Trong nhà, ngoài ngõ, vắng vẻ, tĩnh mịch. Ở một chái bên, bà ôm cháu vào lòng. Hai bà cháu nằm trên cái võng, đưa đi đưa lại, tiếng kêu kéo cà kẽo kẹt, theo *một điệu*.

Bà cất tiếng hát, bà ru:

“Cái ngủ mày ngủ cho lâu,

“Mẹ mày đi cấy ruộng sâu chưa về...”

Cháu nghe êm tai, ra chùng *thiu thiu ngủ*, mà bà cũng ra dáng *lim him hai con mắt*...

“Ừ, cái ngủ mày ngủ cho say,

Mẹ mày vất vả chân tay tối ngày.”

Giải nghĩa:

Một điệu = cứ thế mãi, không thay đổi.

Thiu thiu ngủ = sắp ngủ.

Lim him hai con mắt = ý nói hai con mắt chập chờn sắp ngủ. Lim him có nơi gọi là riu riu.

Bà đánh võng ru cháu.

15. CÂY SEN

(Ca dao) -- Bài học thuộc lòng.

Trong *đầm*, gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, *bông* trắng, lại chen *nhị* vàng.
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Đại ý:

Bài này nói cây sen mọc chỗ bùn mà vẫn giữ được hương thơm sắc đẹp. Cũng như người hiền, dẫu ở với người gian ác thế nào cũng không bỏ cái lòng ngay thẳng của mình.

Giải nghĩa:

Đầm = vũng nước to mà không sâu.

Bông = cũng nghĩa như hoa.

Nhị = phần ở giữa cái hoa, thường có hương thơm. Có nơi gọi là nhị.

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

16. TRUYỆN HAI BÀ TRƯNG

Bà Trưng Trắc là con gái một quan lạc tướng, lấy ông Thi Sách là lạc tướng một châu nay thuộc tỉnh Vĩnh Yên. Bà giận vì quan thái thú Tàu là Tô Định chính sách tàn bạo, bèn đứng lên *xướng xuất* cùng với em là Trưng Nhị, chồng và các *tù trưởng* trong nước nổi lên. Bà đánh đầu được đây; quân Tàu phải chạy trốn cả. Bà bèn tự xưng làm vua, đóng đô ở Mê Linh, thuộc tỉnh Phúc Yên bây giờ.

Nhưng hai năm sau, vua Tàu sai một viên tướng tên là Mã Viện đem một đạo quân sang đánh nước ta. Bà Trưng Trắc bị thua nhiều lần, sau cả hai chị em đều chết. Nước ta lại phải phụ thuộc nước Tàu như trước.

Hai chị em bà Trưng thực là hai vị Nữ anh hùng đầu tiên ở nước ta.

Giải nghĩa:

Xướng xuất = chỉ bảo cho người ta theo.

Tù trưởng = người đàn anh cai quản một bọn.

Hai chị em bà Trưng là hai vị nữ anh hùng nước ta.

17. TRUYỆN NGƯỜI THỪA CUNG

Thừa Cung nhà nghèo, mồ côi cha từ lúc hầy còn nhỏ. Khi mới lên tám, làm nghề chăn lợn (heo) để *nuôi thân*. Trong làng có ông Từ Từ Thịnh mở trường dạy học, học trò xa gần đến học đông lắm. Thừa Cung cứ mỗi khi chăn lợn qua trường, thấy tiếng giảng sách, thì đứng lại nghe, trong lòng lấy làm vui thích lắm, muốn đi học. Sau anh ta xin đến ở nhà học để dọn dẹp, quét tước. Từ Từ Thịnh thấy Thừa Cung mặt mũi khôi ngô, thuận cho ở. Lúc *rảnh việc*, anh ta chỉ chăm chăm chú học hành. Được vài ba năm Thừa Cung thành một người học trò giỏi, có tiếng thời bấy giờ.

Nghèo mà chịu học như vậy, chẳng đáng khen lắm ru. [!]

Giải nghĩa:

Nuôi thân = kiếm ăn cho khỏi đói.

Rảnh việc = không có việc gì làm.

Nghèo mà chăm học thực là đáng khen.

18. ĐỒ LÀM RUỘNG

Muốn xới đất lên, thì người ta dùng cày, hay dùng cuốc và cào. Cày và bừa thì dùng ở ngoài đồng, phải có trâu bò kéo. Cuốc và cào thì dùng ở vườn tược, tay người ta làm lấy. Đào đất thì người ta dùng cái thuổng (xuổng, thêu), hay là cái mai. Đập đất cho nhỏ, thì người ta dùng cái vỡ bằng gỗ. *Giũ* cỏ cho sạch, thì người ta dùng cái nạo. Còn nhiều nơi người ta dùng quả lãn bằng gỗ hay bằng đá để lãn cho nhỏ đất, hoặc để *trang* cho phẳng mặt đất. Đến mùa lúa chín, thì người ta dùng cái hái (vằng) để gặt, cái liềm để cắt rạ. Hết thấy những đồ ấy là đồ cần dùng cho những nhà làm ruộng.

Giải nghĩa:

Giũ = nạo cho sạch. Có nơi gọi là xùi.

Trang = san cho phẳng.

Cày và bừa thì phải có trâu bò kéo.

19. BỊNH GHẺ

Bệnh ghẻ là một bệnh ở ngoài da, do con ghẻ mà sinh ra.

Ai có bệnh ấy, thì lúc đầu ngứa ngáy, khó chịu. Sau thấy có những nốt (mụn), trước còn mọc ở kẽ tay, cổ tay, nếu không chữa ngay thì dần dần⁽¹⁾ lan ra khắp cả mình mẩy.

Bệnh ghẻ là một bệnh hay lây, nghĩa là có thể truyền người nọ sang người được. Người ta

thường lây bệnh ấy, là vì hay ở *chung chạ* với người có ghê, hoặc chung chăn⁽²⁾ chiếu, chung quần áo với họ.

(còn nữa)

(1) lần lần—(2) mên.

Giải nghĩa:

Lan = ăn rộng mãi ra.

Chung chạ = ở lẫn với nhau.

Bệnh ghê hay lây

20. BỆNH GHÊ (tiếp theo)

Muốn không mắc phải bệnh ghê, thì ta chớ nên dùng những đồ đạc mà người có ghê đã dùng. Ta lại phải ở cho sạch sẽ, vì ở bản⁽¹⁾ thường sinh ra ghê lở. Bệnh ghê không *nguy hiểm* gì, nhưng ghê tởm lắm.

Ai mắc phải bệnh ấy, thì nên chữa ngay. Mà chữa thì phải lấy *xà phòng* đen và bàn chải cứng mà xát vào những chỗ ghê cho bật máu ra, rồi tắm rửa cho thật sạch. Đoạn lấy thuốc ghê mà bôi. Còn quần áo thay ra thì phải bỏ vào nước sôi mà nấu. Cứ làm như vậy, thì chẳng bao lâu khỏi (lành) ghê.

(1) dơ.

Giải nghĩa:

Nguy hiểm = có thể hại đến sức khỏe hay tính mệnh.

Xà phòng = do tiếng tây savon mà ra. *Xà phòng* dùng để tắm giặt cho sạch.

Ghê thường tại bản mà sinh ra

21. NHỜ CÓ CUỘC NỘI THUỘC NƯỚC TÀU, MÀ NGƯỜI NƯỚC NAM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

(Bài này không có trong Tuyển Tập QVGKT, NXB Văn Học, ấn bản 2011)

Trong thời nội thuộc, người Tàu dạy ta dùng cày và trâu bò để làm ruộng; mở trường học dạy chữ nho và đạo thánh hiền; họ lại đem những lễ nghi phong tục nước Tàu mà truyền thụ cho ta như lễ cưới xin, ma chay, cách *thù ứng*, cách ăn mặc, thờ tổ tiên, thờ thánh hiền, *đạo* Khổng, đạo Phật; nhất là họ làm cho nước ta thành ra một nước có *ché độ* vững bền: trong nhà thì thuộc quyền người cha, ngoài xã hội thì biết giữ *trật tự* và *kỷ luật*.

Giải nghĩa:

Đạo = khuôn phép của các bậc thánh hiền đặt ra cho ta theo.

Thù ứng = tiếp đãi người ngoài.

Ché độ = cách sắp đặt trong nước cho đâu ra đấy.

Trật tự = có thứ bậc trên dưới.

Kỷ luật = phép tắc ai nấy đều phải theo.

Người Tàu dạy ta học chữ nho.

22. HỌC TRÒ CHĂM HỌC

Sửu chăm học lắm. Khi ngồi trong lớp học thì nó cúi đầu nom vào bài, lắng tai nghe lời thầy dạy. Bao nhiêu tâm trí đem vào sự học cả. Nó không nhìn ngang, nhìn ngửa, không thúi *ngâm*, nghịch *trộm* anh em.

Ở nhà, lúc nó chơi, thì hẳn ra chơi, mà lúc nó học bài hay tập viết, thì chỉ chăm học, chăm viết mà thôi, chứ chẳng bao giờ nghĩ lãng đi đâu cả. Nó học tập như vậy, trách nào mà chẳng mau tấn tới.

Giải nghĩa:

Ngâm = giấu giếm không cho ai biết.

Trộm = cũng nghĩa là *ngâm*.

Ta phải nên chăm học.

23. HỌC TRÒ LƯỜI BIẾNG

Bính là một đứa học trò lười biếng (nhác nhòn). Sáng ngày dậy trưa nên đi học trễ, mà tiếng rằng đi học, nhưng chẳng mấy khi nó thuộc bài và làm đủ bài. Khi nó ở nhà cha mẹ sai làm việc gì, thì tìm đường trốn tránh. Cả ngày chỉ thích chơi bời *lang thang* ở ngoài đường, ngoài ngõ. Cha mẹ nó đánh mắng luôn và thầy giáo cũng *quở* phạt luôn. Nếu nó cứ lười biếng như thế mãi, thì về sau chắc sẽ phải khổ suốt đời. Những người lười biếng thì không làm gì nên thân. Ta chớ nên lười biếng.

Giải nghĩa:

Lang thang = vơ vẩn ngoài đường.

Quở = cũng nghĩa là mắng.

Ta chớ nên lười [làm] biếng.

24. CHỮ NHỎ

Thời nội thuộc nước Tàu, có mấy ông thái thú Tàu sang cai trị nước ta, mở trường học và *khuyến khích* việc học chữ nhỏ.

Đến khi nước Nam [Việt Nam] đã lấy lại quyền tự chủ rồi, thì chữ ấy vẫn dùng để viết *công văn* như *chỉ dụ*, *ché*, *sắc* nhà vua, tờ sức, tờ bẩm của các quan, luật lệ, đơn tâu và cả những giấy má việc tư nữa, như thư tín, *khế ước*, *chúc thư*, văn tế; chữ ấy vẫn dạy trong các trường học và dùng trong việc thi cử, còn tiếng ta thì không dùng đến. Chữ ấy các nhà văn sĩ ta phần nhiều cũng dùng để làm thơ văn, sách vở nữa.

Chữ nhỏ ở bên nước ta không đọc như người Tàu đọc, lại đọc một cách riêng của ta và đã có lắm chữ thành hẳn tiếng ta rồi. Bởi vậy ta nay cũng phải học và biết ít nhiều để nói tiếng ta và viết văn ta cho thông.

Giải nghĩa:

Khuyến khích = khuyến nhủ, thúc giục.

Công văn = giấy má, việc quan.

Chỉ dụ = mệnh lệnh nhà vua ban ra.

Ché, sắc = nhời vua viết ra phong thường tước phẩm cho các quan.

Khế ước = giấy giao kèo của hai bên về việc mua, bán, cầm, cố vãn vãn.

Chúc thư = nhời người chết dặn lại.

Ta nên học chữ nho.

25. NÊN GIÚP ĐỠ LĂN NHAU

Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái *xe lợn*⁽¹⁾. Trên cái xe có ba bốn con lợn to, chân trói, bụng phơi và mồm kêu eng éc. Ông lão cố đẩy cái xe, mặt đỏ bừng, mồ hôi chảy, mà xe vẫn không thấy *chuyển*.

Mấy cậu bé đang chơi trên bờ đê, thấy thế, vội chạy tới, xúm lại, buộc dây vào đầu xe mà kéo hộ.

Xe lên khỏi dốc, ông lão cảm ơn các cậu và các cậu cũng lấy làm vui lòng, vì đã giúp được việc cho người.

(1) heo.

Giải nghĩa:

Xe lợn = thứ xe một bánh để chở lợn, gà và các đồ vật.

Chuyển = nhúc nhích, động đậy.

Ta phải giúp đỡ lẫn nhau.

26. LỄ PHÉP VỚI NGƯỜI TÀN TẬT

Anh Trung, nhân ngày chủ nhật, cùng với lũ trẻ rủ nhau ra công⁽¹⁾ xóm chơi. Lũ trẻ đang *nô đùa* với nhau, bỗng trông thấy một người ở đằng xa chông gậy đi đến. Người ấy què một chân, đi khập khểnh. Lũ trẻ cười ầm cả lên.

Anh Trung mắng lũ trẻ mà bảo rằng: "Người ta là một người tàn tật, thì chúng ta lại càng phải giữ lễ phép lắm; sao các anh trông thấy lại cười ầm lên như vậy, chẳng hóa ra là *vô hạnh* lắm ru."

Lũ trẻ nghe nói, không dám cười nữa. Khi người què đến, anh Trung đứng nép ra bên đường để cho người ấy đi, cả lũ trẻ cũng bắt chước như vậy.

(1) cửa ngõ.

Giải nghĩa:

Nô đùa = chơi nghịch với nhau, có nơi gọi là trừng dờn hay chơi dờn.

Vô hạnh = không có nét na, không biết giữ lễ phép.

Không nên nhạo báng những người tàn tật.

27. CÀY CÂY

(Ca dao) -- Bài học thuộc lòng.

Ơn trời mưa nắng phải thì,
Nơi thì *bừa cạn*, nơi thì *cày sâu*.
Công lênh chẳng quản lâu lâu,
Ngày nay *nước bạc*, ngày sau *com vàng*.
Xin ai đừng bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất, *tấc vàng bấy nhiêu*.

Giải nghĩa:

Bừa cạn, cày sâu = bừa chỗ cạn, cày chỗ sâu.

Nước bạc = nước ngập cả ruộng, trắng xoá, nghĩa là ruộng chưa cấy, chỉ có nước thôi.

Cơm vàng = ý nói có gạo thóc quý như vàng, cũng có ý nói thóc lúa chín đỏ như vàng.

Tắc đất tắc vàng = ý nói mỗi tắc đất thật quý như vàng. Hễ ai có ruộng đất mà chăm chỉ làm lụng thì là tiền của ở đó.

Bao nhiêu tắc đất, tắc vàng bấy nhiêu.

28. TRUYỆN ÔNG NGÔ QUYÊN

Một đạo quân Tàu đi đường biển vào *sông Bạch Đằng*. Ông Ngô Quyền sai quân lấy gỗ đẽo nhọn bịt sắt cắm xuống lòng sông rồi trờ [chờ] *nước thủy triều* lên, cho thuyền nhẹ ra *khieu chiến* quân giặc. Được ít lâu, ông giả cách thua. Ngược dòng sông chạy. Quân tàu đuổi theo, nhưng ngay lúc đó nước thủy triều xuống, thuyền của họ chạm vào cọc vỡ nát cả. Quân Tàu bị một trận thua to.

Được trận rồi ông Ngô Quyền lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên). Ông trị vì được sáu năm. Từ lúc ông lên làm vua là hết cuộc nội thuộc nước Tàu và bắt đầu thời kỳ tự chủ trong lịch sử nước Việt nam.

Giải nghĩa:

Sông Bạch Đằng = nhánh sông Thái Bình chảy gần tỉnh lỵ Quảng Yên.

Nước thủy triều = nước biển mỗi ngày dâng lên lại rút xuống.

Khieu chiến = kêu cho người ta đánh nhau với mình.

Ông Ngô quyền đóng đô ở Cổ Loa.

29. MÂY VÀ MƯA

Khi ta nấu nồi nước, thì ta thấy hơi bốc lên *nghi ngút* như khói. Giả ta lấy cái vung úp lên trên miệng nồi một lát, thì thấy ở cái *vung* có giọt nước chảy xuống. Vậy mây ở trên trời cũng giống như hơi ở nồi nước. Nhưng mây là hơi nước ở sông, ở bể bốc lên, mà thành ra. Lúc đầu thì mây là những giọt nước nhỏ mà nhẹ, rồi dần dần⁽¹⁾ lên trên cao, gặp khí lạnh, hợp lại thành giọt nước lớn và nặng. Khi giọt nước nặng quá, thì rơi⁽²⁾ xuống, thành ra mưa.

Nước mưa một phần thấm xuống đất, một phần chảy vào ao, vào ruộng, hay là chảy vào ngòi, vào sông, rồi lại ra bể.

(1) lần lần—(2) rớt.

Giải nghĩa:

Nghi ngút = hơi bay khói bốc lên nhiều.

Vung = cái nắp đậy trên cái nồi.

Hạt mưa ở trên trời sa xuống.

30. THỢ LÀM NHÀ

Làm một cái nhà gạch, phải dùng biết bao nhiêu thứ thợ.

Đào móng, đổ nền, phải có thợ đầu⁽¹⁾. Đặt móng xây tường phải có thợ nề⁽²⁾. Làm cột, làm kèo, làm gác, làm cửa phải có thợ mộc.

Lại còn thợ chạm, chạm *cửa võng*; thợ thiếc làm máng, thợ sơn sơn cửa.

Ấy là ta không nói những thợ cửa gỗ, nung⁽³⁾ vôi, làm gạch cùng những thợ lắp kính, lắp khóa, v.v...

Làm cho thành một cái nhà, phải dùng biết bao nhiêu thợ thuyền và tốn biết bao nhiêu công của.

(1) thợ làm đất. – (2) thợ hồ. – (3) đốt.

Giải nghĩa:

Cửa võng = gỗ chạm lõng, thường đặt ở gian (căn) giữa nhà, từ bên nọ sang bên kia.

Thợ mộc làm những đồ gỗ.

31. CHĂN TRÂU

Ai bảo chăn trâu là khổ?

- Không, chăn trâu sướng lắm chứ! Đầu tôi đội *nón mê* như lọng che. Tay cầm cành⁽¹⁾ tre như *roi ngựa*. *Ngát nghều* [roi ngựa, *ngát nghều*] ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm bướm lượn trên đám cỏ. Trong khoảng trời xanh, lá biếc, tôi với con trâu thành thói vui thú, tưởng không còn gì sung sướng cho bằng!

(1) ngành.

Giải nghĩa:

Nón mê = nón rách.

Ngát nghều = có ý nói ngồi trên mình trâu lấy làm đặc chí.

Dắt trâu ra đồng cho nó ăn cỏ.

32. VUA LÝ THÁI TỔ DỜI ĐÔ RA THÀNH HÀ NỘI

Vua Lý Thái Tổ thấy đất Hoa Lư là chỗ nhà Đinh và nhà Lê đóng đô trước chật hẹp quá, mới dời đô ra thành Đại La là nơi *thủ phủ* nước ta về cuối thời nội thuộc Tàu. Sử chép rằng khi thuyền rồng nhà vua ra đến nơi, thì thấy một con rồng vàng bay lên trời. Nhà vua cho là *điềm* tốt mới đổi tên là Thăng Long nghĩa là "Rồng lên". Thế là thành Thăng Long, tức là thành Hà Nội bây giờ, thành ra *kinh đô* nước Nam [Việt Nam].

Giải nghĩa:

Thủ phủ = chỗ các quan cai trị một hạt đóng.

Điềm = cái chứng triệu gì cho ta biết rằng công việc sau này tốt hay xấu.

Kinh đô = chỗ có triều đình nhà vua.

Thành Thăng Long là thành Hà Nội ta ngày nay.

33. CHỖ QUÊ HƯƠNG ĐẸP HƠN CẢ

Một người đi *du lịch* đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kẻ quen người thuộc, làng xóm láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: “Ông đi *du sơn du thủy*, thế tất đã trông

thấy nhiều cảnh đẹp. Vậy ông cho ở đâu là thú hơn cả?” Người du lịch đáp lại rằng: “Cảnh đẹp mắt tôi trông thấy đã nhiều, nhưng không đâu làm cho tôi cảm động, vui thú bằng lúc trở về chốn quê hương, trông thấy cái hàng rào, cái tường đất cũ kỹ của nhà cha mẹ tôi. Từ cái bụi tre ở xó vườn, cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi ra cho tôi những mối cảm tình *chứa chan*, kể không sao xiết được.”

Giải nghĩa:

Du lịch = (du là chơi, lịch là trải) người đi chơi, trải nhiều nơi.

Du sơn du thủy = chơi chỗ sông, chỗ núi, những chỗ phong cảnh đẹp.

Chứa chan = nhiều, bề bộn.

Chỗ quê hương đẹp hơn cả.

34. NGOAN (GIỎI) ĐƯỢC KHEN, HƯ PHẢI CHÊ

Đứa bé⁽¹⁾ yêu mến cha mẹ, vâng lời thầy dạy, là đứa ngoan. Đứa bé kính nể anh chị, nhường nhịn các em, cũng là đứa ngoan. Đứa bé biết lễ phép, ăn ở tử tế với cả mọi người, cũng là đứa ngoan. Ngoan thì ai cũng yêu, cũng khen, cũng *chiều chuộng*. Còn những đứa bé không kính mến cha mẹ, không nghe lời thầy dạy, không nhường nhịn anh em và *xác láo* với cả mọi người, đều là những đứa hư cả. Hư thì ai cũng ghét, cũng chê, cũng mắng mỏ (la mắng). Vậy các trẻ con đứa nào cũng nên ăn ở cho ngoan ngoãn.

(1) nhỏ.

Giải nghĩa:

Chiều chuộng = theo ý mình mà làm cho mình bằng lòng.

Xác láo = vô phép, ngược đãi người bề trên, cũng như hỗn hào, xác xược.

Ngoan được khen, hư phải chê.

35. CON ONG

Người ta nuôi ong, phải làm tổ⁽¹⁾ cho nó ở. Ong ở từng đàn. Những ngày nắng ráo, thì từ sáng đến tối nó bay đi tìm hoa, lấy *nước mật hoa* đem về làm mật, lấy *phấn hoa* đem về làm sáp.

Ta nuôi ong để lấy mật và lấy sáp. Mật để ăn, sáp để làm *nén* (cây đèn); ta lại còn dùng *sáp ong* để đánh các đồ đạc bằng gỗ cho bóng. Ong có ngòi (đọc) đốt đau; ai vô ý mà đến gần tổ ong, thường bị nó đốt.

(1) ổ.

Giải nghĩa:

Nước mật hoa = nước có vị ngọt ở trong hoa.

Phấn hoa = phấn vàng bám ở nhị hoa.

Sáp ong = một chất dẻo, có sắc vàng, lấy ở tổ ong ra.

Nén = thứ nến làm bằng sáp ong ta gọi là nến sáp.

Người ta nuôi ong để lấy mật và sáp.

36. ÔNG TRẦN QUỐC TUẤN

Hồi nước Nam [Việt Nam] phải quân Mông Cổ sang đánh, vua ta giao *binh quyền* cho ông Trần Quốc Tuấn. Ông đánh trận đầu, vì quân Mông Cổ nhiều hơn quân ta, nên ông bị thua. Vua thấy thế mới bảo ông rằng: "Thế giặc mạnh lắm, trẫm sợ đánh nhau mãi khổ dân. Hay là *trẫm hàng* cho dân khỏi khổ?" Ông tâu rằng: "Bệ hạ phán thế, thực có bụng thương dân lắm; nhưng dám xin Bệ hạ biết cho rằng cái đạo làm vua, trước hết phải gìn giữ lấy *giang sơn* tiên tổ để lại cho đã. Nếu Bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần đi đã." Vua nghe nói thế, vững dạ, không nghĩ đến việc ra hàng nữa.

Giải nghĩa:

Binh quyền = quyền rèn tập, coi bảo quân lính.

Trẫm = tiếng vua dùng để chỉ mình như ta nói "tôi", "ta", v.v...

Hàng = chịu phục, thôi không dám kháng cự lại, mà theo quyền phép người.

Giang sơn = đất cát của một nước.

Thế quân Mông Cổ rất mạnh.

37. MẤY LỜI KHUYÊN VỀ VỆ SINH

Khi chơi đừng có chạy nhanh⁽¹⁾ lắm.

Khi mồ hôi chảy, chớ có uống nước lã, chớ có đứng chỗ *luồng gió* (gió lộng).

Trời mưa ẩm ướt, chớ có chơi đùa dầm chân ở dưới nước.

Đi đường gặp mưa, quần áo có ướt phải thay ngay.

Những khi ngủ, phải đắp bụng, ăn uống phải có điều độ.

Khi ốm đau, không nên ăn đồ độc: có *kiêng* có lành.

(1) lanh.

Giải nghĩa:

Luồng gió = lối gió thổi mạnh.

Kiêng = giữ không ăn hay không làm những cái gì có thể hại đến sức khỏe.

Khi có mồ hôi, không nên uống nước lã.

38. NGÀY GIỖ

Trên bàn thờ, đồ đồng, đồ sơn *bóng lộn* (trong bóng), đèn nến⁽¹⁾ sáng choang, khói hương nghi ngút, trông thật là nghiêm trang. Thầy tôi đứng ở trước, châm một nắm hương, cắm vào bình hương, lạy hai lạy, rồi quỳ xuống hai tay chắp để ngang trán, miệng *lẩm nhẩm* khấn. Thầy tôi khấn và lạy xong, thì đến những người trong họ và chúng tôi cứ lần lượt vào lạy, mỗi người bốn lạy. Lễ xong một chốc hết *tuần hương*, thì cỗ bàn trên bàn thờ hạ xuống, dọn rượu, cả nhà hội họp ăn uống rất vui vẻ.

(1) sáp.

Giải nghĩa:

Bóng = nhẵn và sáng trông nhấp nháy.

Lẩm nhẩm = nói sẽ trong mờ, người ngoài không nghe tiếng.

Tuần hương = một lượt hương cháy hết.

Khói hương bay nghi ngút.

39. BỮA CƠM NGON

Cậu Tí đi học về một chốc, thì cha ở ngoài đồng cũng vác cây, dất (dắt) trâu, về đến nhà. Cơm đã chín. Mẹ và chị dọn ra để trên giường. Cả nhà ngồi ăn. Cơm đỏ, canh rau, chẳng có gì là *cao lương mỹ vị*. Nhưng cơm sốt, canh nóng, bát đũa sạch sẽ cả nhà ăn uống ngon miệng no nê.

Nhất là cha mẹ, con cái, trên thuận dưới hòa, một nhà đoàn tụ *sum họp* với nhau, thì dầu cơm rau cũng *có vị* lắm.

Giải nghĩa:

Cao lương mỹ vị = đồ ăn quý, đắt tiền.

Sum họp = họp mặt đông đủ.

Có vị = ăn ngon miệng.

Cơm sốt, canh nóng, ăn ngon.

40. ÔNG LÊ LAI LIỀU MÌNH CỨU CHÚA

Vua Lê Lợi bấy giờ ở Chí Linh bị quân Tàu *vây riết* lắm; quân giặc sắp *hạ* được đồn, vua Lê tất bị giết. Vua mới hỏi tướng tá rằng: "Ai dám thay trăm ra phá vòng vây, đánh nhau với giặc? Người ấy sẽ bị giặc bắt, còn trăm thì nhân lúc giặc lui, mộ thêm quân, họp binh lại, mưu sự báo thù." Ông Lê Lai ra nhận việc ấy.

Ông mặc áo *ngự bào*, cưỡi voi ra ngoài đồn, tự xưng là "Bình định vương" là hiệu vua Lê Lợi bấy giờ. Quân nhà Minh tưởng là vua Lê Lợi thực, xúm nhau lại bắt ông giết đi. Ông Lê Lai liêu mình như thế thành ra cứu được vua Lê Lợi thoát nạn, mà nhân đó nước ta mới được tự chủ, khỏi phải quân Tàu *áp chế*.

Giải nghĩa:

Vây = cho quân đứng quây xung quanh mà đánh.

Riết = quân vây rất nhiều mà đánh rất hăng.

Hạ = đánh lấy được.

Ngự bào = áo vua mặc.

Áp chế = đè nén, hà hiếp.

Ông Lê Lai cứu vua khỏi chết, cứu nước khỏi khổ.

41. TỐI Ở NHÀ

Cơm nước xong, trời vừa tối. Ngọn đèn treo, thấp ở giữa nhà. Cha ngồi đọc nhật báo.

Anh đang ngồi cúi xuống xem sách hay làm bài. Mẹ và chị, kim chỉ vá may. Ở bên cạnh, hai đứa em nhỏ đang nghe bà kể câu *chuyện cổ tích*, thỉnh thoảng lại khúc khích cười với nhau rất vui vẻ.

Ban ngày đi làm ăn khó nhọc; tối đến cả nhà được đông đủ, *sum vầy* như vậy, tưởng không có cảnh nào vui hơn nữa.

Giải nghĩa:

Chuyện cổ tích = chuyện đời xưa.

Sum vầy = hội họp, quây quần với nhau.

Một nhà sum vầy vui vẻ.

42. CON CÒ MÀ ĐI ĂN ĐÊM

(Cao dao) Bài học thuộc lòng.

Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm *lộn cổ* xuống ao,
Ông ơi, ông *vớt* tôi nao!
Tôi có lòng nào, ông hãy *xáo măng*.
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

Đại ý:

Bài này mượn chuyện con cò mà ngụ ý luân lý rất cao. Con cò sa xuống nước, người ta bắt được sắp đem làm thịt, mà nó vẫn xin nấu bằng nước trong, để cho chết cũng được trong sạch. Cũng như người ta nghèo khó đi làm ăn lỡ sa cơ thất thế, bị phải tai nạn, nhưng bao giờ cũng giữ lấy tấm lòng trong sạch, không làm điều gì ô uế.

Giải nghĩa:

Lộn cổ = rơi đâm đầu xuống.

Vớt = lôi ở dưới nước lên.

Xáo măng = nấu lẫn với măng để làm món đồ ăn.

Phải giữ tấm lòng cho trong sạch.

43. TA KHÔNG NÊN NGÃ LÒNG

Nước mềm, đá rắn (cứng), thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy mà dây cưa mãi gỗ cũng phải đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ⁽¹⁾ to, thế mà kiến *tha* lâu cũng đầy tổ.

Người ta cũng vậy, *phàm* làm việc gì đâu thấy khó cũng đừng nên ngã lòng. Gặp việc gì khó, ta cũng cứ vững lòng mà làm, cứ cố vào, cố nữa, cố luôn mãi, thì việc đâu khó đến đâu, cũng có ngày ta làm nên được. Những kẻ hay ngã lòng chẳng bao giờ làm được việc gì cả.

(1) ổ.

Giải nghĩa:

Tha = cắn vào mồm mà mang đi.

Phàm = gồm tất cả.

Gặp việc khó ta chớ nên ngã lòng.

44. TRUYỆN GƯƠM THẦN CỦA VUA LÊ LỢI

Tục truyền rằng vua Lê Lợi, trước khi nổi lên đánh quân Minh, vẫn ở Hà Nội làm nghề đánh cá.

Một hôm ngài quăng lưới xuống hồ Hoàn Kiếm, bấy giờ còn gọi là hồ Tả vọng, lúc kéo lên không được cá, lại được một thanh gươm rất đẹp, lưỡi rộng, cứng mà sáng loáng. Ngài được thanh gươm ấy, nổi lên đánh quân Tàu, đuổi ra ngoài nước, rồi lên ngôi vua ở Thăng Long (Hà Nội bây giờ).

Một hôm ngài *ngự* thuyền chơi trên hồ; ngài thấy có một con rùa to nổi lên, bơi lại gần ngài. Ngài sợ, lấy gươm gạt ra, nhưng con rùa đớp lấy gươm rồi biến mất. Ngài bấy giờ mới biết rằng con rùa ấy là vị thần hồ đã giúp ngài đánh quân Tàu. Sau người ta xây ở giữa hồ một cái tháp gọi là "Quy sơn tháp" (tháp Núi rùa), còn cái hồ ấy thì gọi là "Hoàn kiếm hồ" (hồ Giả gươm [hồ giả gươm]).

Giải nghĩa:

Ngự = tiếng để chỉ những việc vua làm, hay là những cái gì vua dùng như: ngự lãm (vua xem), ngự thuyền (vua đi thuyền), ngự bào (áo vua mặc).

Con rùa thần nổi lên mặt nước

45. CÁI CÀY

Cái cày là đồ làm ruộng cần nhất. Cái cày của ta dùng còn đơn sơ lắm, gần hết làm bằng gỗ. Thân cày, náng cày, chỗ tay cầm (seo cày) toàn bằng gỗ cả. Cái bấp cày thì bằng tre hay bằng gỗ. Chỉ có cái lưỡi cày và cái *diệp* là bằng sắt mà thôi. Cái cày tây thì gần hết làm bằng thép cả, và đủ bộ phận hơn cày ta. Bên Tây nhiều khi lại còn ghép mấy cái cày vào một cái bấp, rồi dùng máy kéo. Bên ta dùng cày máy không tiên, vì ruộng ta bùn lầy, lại chia ra từng miếng nhỏ hẹp. Sự cày bừa của ta *quanh đi quăn lại* chỉ nhờ sức trâu bò mà thôi.

Giải nghĩa:

Diệp cày = một miếng gang hay một miếng sắt để gắn liền ở trên cái lưỡi, để khi cày nó lật đất ra hai bên.

Quanh đi quăn lại = chỉ có thể mà thôi, không có gì khác nữa.

Có cày ruộng mới có thóc gạo [ăn].

46. CON TRÂU

Trâu lớn hơn bò và sức mạnh hơn. Lông đen, cứng và thưa, thỉnh thoảng có con lông trắng. Mắt *lờ đờ*, sừng to và cong lên. Trâu xem nặng nề và chậm chạp hơn bò. Tính nó thuần và hay chịu khó. Ăn uống ít, mỗi ngày chỉ vài ba nắm cỏ khô cũng đủ. Nó ưa đầm (mẹp) xuống nước, xuống bùn, và có thể lội qua sông, qua *đầm* được.

Trâu dùng để cày ruộng, kéo xe, hoặc kéo *che đập mía*. Thịt trâu không ngon bằng thịt bò. Da trâu dùng để bịt trống hay làm giày dép. Sừng trâu dùng làm các đồ vật như: cán dao, lược, ông thuốc v.v...

Trâu thật là con vật có ích. Ta vẫn cho vào hạng *lục súc* rất có công với người.

Giải nghĩa:

Lờ đờ = trông không nhanh trãi.

Đầm = lặn xuống cho có nước, có bùn.

Che đập mía = máy ép mía.

Lục súc = Sáu giống vật của người ta nuôi: trâu, ngựa, dê, gà, chó, lợn.

Trâu to hơn và khoẻ hơn bò.

47. CON CHIM VỚI NGƯỜI LÀM RUỘNG

Chim là loài ăn những côn trùng làm hại lúa. Nhờ có chim mới *trừ* được những giống ấy. Chim có thể đuổi bắt *côn trùng* ở trên không, hay nhặt (lặt)⁽¹⁾ nó ở luống cày. Chim chính là *tuần ngoại* của ta đó. Người làm tuần ngoại, thì chỉ giữ được kẻ trộm cắp *hoa màu*⁽²⁾ mà thôi, chứ chim làm tuần ngoại, thì mới giữ nổi các loài sâu bọ đâu đâu cũng vào lọt.

Vậy loài chim có ích cho nhà nông lắm. Chớ nên giết hại nó.

(1) lượm.- (2) đồ hoa quả.

Giải nghĩa:

Côn trùng = nói chung các loài sâu bọ.

Trừ = làm mất đi, giết đi.

Tuần ngoại = tuần coi lúa má ở ngoài đồng.

Hoa màu = các thứ cây ăn được, trồng ở nơi cận như: ngô, khoai, rau, đậu.

Không nên giết hại loài chim vì nó có ích cho người làm ruộng

48. VUA LÊ THÁNH TÔN

Vua Lê Thánh Tôn sai quan làm bộ quốc sử và vẽ địa đồ nước ta. Ngài họp tập các nhà *danh sĩ* thời bấy giờ và khuyến khích việc văn học, ngài có soạn ra nhiều thơ chữ nho và *thơ nô* nữa.

Ngài tìm cách mở mang nghề làm ruộng và nghề chăn nuôi. Ngài cho khai khẩn những đất hoang, mở ra hơn bốn mươi sở đồn điền cho dân nghèo khổ có việc mà kiếm ăn. Ngài lập ra nhà tế sinh để nuôi những người già yếu tàn tật, không có nơi nương tựa; khi nào có dịch tễ thì sai quan đem thuốc phát cho các người mắc bệnh.

Ngài lại đánh lấy được nước Chiêm Thành nữa.

Nói tóm lại đời vua Lê Thánh Tôn là một thời kỳ vẻ vang nhất trong lịch sử nước Nam.

Giải nghĩa:

Danh sĩ = người làm văn có tiếng.

Thơ nô = thơ tiếng ta.

Vua Lê Thánh Tôn đánh được nước Chiêm Thành

49. KÍNH TRỌNG NGƯỜI GIÀ CẢ

Một lũ học trò ngồi *xúm xít* ở hàng nước, đang cười cười nói nói. Có một cụ già lưng còng, tóc bạc, cũng muốn vào hàng nước nghỉ. Nhưng mấy cái ghế *chật ních* cả rồi, cụ cứ loanh quanh (xa xăn) đứng ở ngoài.

Một cậu học trò ít tuổi nhất, thấy thế, vội vàng đứng ngay vậy, nhường chỗ mời cụ ngồi. Sau lại cầm hộ cả cái điều đưa cho cụ hút thuốc. Mấy cậu ngồi bên cạnh, bấy giờ cùng bảo nhau ngồi dôn lại cho rộng chỗ.

Cụ già ăn thuốc xong, khen các cậu rằng:

“Các cậu là học trò trảng nào, mà khéo học được những điều lễ phép như thế! *Lão* đây thật lấy làm quý hoá cái nết của các cậu”.

Giải nghĩa:

Xúm xít = đông người tụ họp với nhau một chỗ.

Chật ních = chật lăm, không còn hớ chỗ nào.

Lão = tiếng người già tự xưng.

Kính lão đắc thọ.

50. LÒNG THƯƠNG KẺ TÔI TỐ

Ông Lưu Khoan thuở xưa là một ông quan có tiếng nhân từ. Một hôm, ông mặc áo, đội mũ *chính tề*, sắp đi châu. Con *thị tí* bung bát cháo lên đầu. Chẳng may lỡ tay, đánh đổ cháo ra áo châu. Con *thị tí* sợ hãi, vội vàng lấy tay vuốt chỗ cháo đổ. Ông Lưu Khoan *không đổi sắc mặt*, từ từ nói rằng: “Mày có bông⁽¹⁾ tay không?” Ôi! Tay người ta bông thì đau đớn nhiều, áo quý mà *hoen bản*⁽²⁾ là việc nhỏ. Ông Lưu Khoan biết quên cái áo bị bẩn của mình, mà chỉ nghĩ đến tay bông của người đầy tớ, thật là người có *đại độ*, biết thương kẻ dưới.

(1) phỏng.- (2) vấy ố.

Giải nghĩa:

Chính tề = ngay ngắn, đứng đắn.

Thị tí = đầy tớ gái.

Không đổi sắc mặt = ý nói không có giận dữ chút nào.

Hoен bản = giọt mỡ, giọt cháo rơi vào vải, lụa, làm cho mất màu đi. Có nơi gọi là quện.

Đại độ = bụng rộng rãi, biết dong thứ người ta.

Ta nên biết thương kẻ tôi tớ.

51. HỌC TRÒ BIẾT ƠN THẦY

Ông Carnot xưa là một ông quan to nước Pháp, một hôm nhân lúc *rảnh việc* về chơi quê nhà. Khi ông đi ngang qua trường học ở làng, trông thấy ông thầy dạy mình lúc bé, bấy giờ đã đầu tóc bạc phơ, đang ngồi trong lớp dạy học. Ông ghé vào thăm trường và chạy ngay lại trước mặt thầy giáo, chào hỏi lễ phép mà rằng: “Tôi là Carnot, thầy còn nhớ tôi không?” Rồi ông ngỏ lời khuyên bảo học trò rằng: “Ta *bình sanh*, nhất là ơn cha, ơn mẹ ta, sau ơn thầy ta đây, vì nhờ có thầy chịu khó dạy bảo, ta mới làm nên *sự nghiệp* ngày nay.”

Giải nghĩa:

Rảnh việc = thông thả, không có việc làm.

Bình sanh = sống ở đời.

Sự nghiệp = công cuộc của mình đã làm nên.

Học trò phải biết ơn thầy.

52. CÁC KHOA THI

Ngày xưa, học trò học chữ nho đi thi để có chân *khoa mục* và ra làm quan. Thi có hai khoa: *thi hương* và *thi hội*.

Những người đậu thi hương chia ra làm hai hạng: một là *hương cống* sau gọi là *cử nhân*, hai là *sinh đồ* sau gọi là *tú tài*. Còn người đậu thi hội thì có ba hạng, gọi là tiến sĩ (nhà Trần gọi là thái học sinh). Vua Lê Thái Tôn muốn cho việc thi cử thêm bề *trọng thể*, mới lập ra lệ xướng danh và *vinh quy*. Ngài lại sai khắc tên những người đậu tiến sĩ vào bia đá. Những bia đá ấy nay còn dựng ở nhà văn miếu ở Hà Nội và Huế.

Giải nghĩa:

Khoa mục = thi đậu, có bằng sắc nhà vua ban cho.

Thi hương = khoa thi mở ở các hạt trong nước để tuyển lấy tú tài và cử nhân.

Thi hội = khoa thi mở ở kinh đô để tuyển lấy tiến sĩ.

Hương cống, cử nhân = người thi hương đậu cao từ 50 trở lên.

Sinh đồ, tú tài = người thi hương đậu thấp từ 50 trở xuống.

Trọng thể = có bề thế lớn được người nể vì.

Vinh quy = thi đậu về làng được người rước sách linh đình.

Ngày xưa thi đậu thì được vinh quy.

53. HỌC THUỘC LÒNG

Thằng Bút học bài *ngụ ngôn*. Nó đọc cả bài hai ba lượt, rất có ý và nhận nghĩa cho thật hiểu.

Nó đọc câu đầu, rồi không nhìn vào sách mà đọc lại. Nó đọc thông thả, rõ ràng, không sai chút nào.

Nó đọc sang câu thứ hai. Thuộc rồi, đọc lại cả với câu đầu. Rồi nó học luôn như thế cho đến câu cuối cùng.

Sau Bút học lại cả bài, năm bảy bận. Lúc bấy giờ, gấp sách lại, đọc lâu lâu, chắc mai vào lớp không sợ *ngắc ngư*⁽¹⁾ (trúc trắc).

(1) ngập ngừng.

Giải nghĩa:

Ngụ ngôn = chuyện đặt ra, có ý để dạy bảo người ta.

Ngắc ngư = đọc vấp vấp, không trôi chảy. Có nơi gọi là ngúc ngắc.

Đọc bài thuộc lâu lâu.

54. LÀM NGƯỜI PHẢI HỌC

Ngọc kia chẳng giữa, chẳng mài,
Cũng thành *vô dụng*, cũng hoài ngọc đi.

Con người ta có khác gì,

Học hành *quí giá*, ngu si *hư đời*.

Những anh *mít đặc* thô thời,

Ai còn mua chuộc, đón mời làm chi.

Đại ý:

Bài này nói người ta không học, thì ngu dốt, chẳng biết nghĩa lý gì. Ví như hòn ngọc dầu quý, nhưng không giữa, không mài, thì cũng chẳng thành đồ mà dùng được. Vậy người ta ai ai cũng phải học thì mới khôn.

Giải nghĩa:

Vô dụng = không dùng được việc gì

Quý giá = tôn trọng lên.

Hư đời = hỏng cả đời người, chẳng làm được việc gì.

Mít đặc = dốt chẳng biết một tí gì cả.

Làm người phải học

55. CHÙA LÀNG TÔI

Chùa làng tôi lợp bằng ngói, đằng trước có sân, bên cạnh có ao, xung quanh có vườn. Ở trước sân có *tam quan*, trên là gác chuông, dưới là cửa để ra vào. Trong chùa, trên bệ cao, thì có nhiều tượng Phật bằng gỗ, sơn son thiếp vàng. Sau chùa thì có *nhà tổ* và chỗ các sư ở. Hai bên thì là nhà khách. Ngoài sân chùa thì có bia đá, ghi công đức những người đã có công với nhà chùa. Ngoài vườn có vài ngọn tháp, là nơi những vị sư đã tịch ở đấy. Ngày rằm, mồng một, cứ đến tối, tôi thường theo bà tôi lên chùa lễ. Sư cụ tụng kinh, gõ mõ, ngồi ở trên; bà tôi và các già ngồi ở dưới, vừa lễ vừa na mô Phật.

Trên bàn thờ thì đèn nến⁽¹⁾ sáng choang, khói hương nghi ngút, trông thật nghiêm trang.

(1) sáp.

Giải nghĩa:

Tam quan = cửa chính của nhà chùa, có ba cửa ra vào.

Nhà tổ = nhà thờ những vị sư đã tu ở chùa đã tịch rồi.

Nhà sư gõ mõ tụng kinh.

56. MỘT KẺ THOÁN NGHỊCH: MẠC ĐĂNG DUNG

Bấy giờ là lúc nhà Hậu Lê đã suy. Vua thì nhu nhược hèn yếu. Trong nước có nhiều giặc giã nổi lên. Giặc đến đánh phá kinh thành, vua phải chạy trốn. Mạc Đăng Dung là quan coi *lính túc vệ* ra cầm quân đánh giặc, tan rồi, nhân dịp ấy giữ lấy binh quyền và các quyền hành trong nước, việc gì cũng quyết định cả. Vua thấy thế lo sợ, chạy trốn, định lấy quân các nơi về đánh Đăng Dung. Nhưng Đăng Dung bắt được vua, đem giết đi rồi tự xưng làm vua mà lập ra nhà Mạc.

Tuy Đăng Dung đã lên ngôi rồi, nhưng trong nước còn nhiều người theo về nhà Lê.

Giải nghĩa:

Thoán nghịch = người bày tôi làm phản đánh lại nhà vua cướp lấy ngôi.

Lính túc vệ = lính theo hầu, trông nom cho vua phòng những kẻ phản trắc.

Về cuối đời nhà Lê, trong nước có nhiều giặc giã

57. MƯA DẦM GIÓ BẮC

Về mùa đông, khi gặp mưa dầm gió bắc, thì phong cảnh nhà quê trông thật *tiêu điều* buồn bã. Ngoài đồng thì nước *giá*, thỉnh thoảng mới thấy lác đác có người cày hay bừa. Người nào người nấy *cặm cùi* (lụi cùi) mà làm, không trò chuyện vui vẻ như khi ấm áp. Trong làng thì đường sá vắng tanh, *bùn lầy* đến mắt cá. Xung quanh mình, không có một tiếng

động, chỉ nghe gió thổi vào bụi tre ù ù, giọt nước rơi xuống đất lách tách.

Giải nghĩa:

Tiêu điều = vắng vẻ, buồn bã.

Giá = lạnh cóng chân tay.

Cặm cùi = cặm đầu làm, không nghĩ đến việc khác.

Bùn lầy = đất lũng bồng nước.

Mưa dầm lâu cũng lụt.

58. CON MƯA

Trời đương nóng nực, lá cây ngọn cỏ im phăng phắc, bỗng có cơn gió mát thổi. Ngẩng⁽¹⁾ lên trông⁽²⁾ thấy về phía đông nam mây kéo *đen nghịt* một góc trời. Ai cũng bảo rằng sắp có trận mưa to. Ngoài đường cái kẻ đi người lại, người nào cũng *bước rào cẳng* (lạnh chân) để chóng về đến nhà, hay tìm *chỗ trú* (núp) cho khỏi ướt. Ở trong nhà thì tiếng gọi nhau ơi ới chạy mưa. Nào là quần áo, chiếu chăn⁽³⁾, thóc lúa, rom rạ, phải *chạy* cho mau. Đâu đâu cũng có tiếng động xôn xao, khác thường. Duy chỉ có ở ngoài đồng, anh đi cày, chị đi cấy, là cứ điềm nhiên làm việc, vì họ đã phòng bị đủ cả nón và áo tơi rồi.

(1) ngược. – (2) coi. – (3) mền.

Giải nghĩa:

Đen nghịt = đen khắp cả, không hở chỗ nào.

Chỗ trú = chỗ nghỉ, chỗ tránh mưa.

Bước rào cẳng = bước rào cho nhanh. Có nơi gọi là sấn chân.

Chạy = đây là cất đồ vào nhà.

Mây kéo đen nghịt một góc trời

59. ĐÚA BÉ⁽¹⁾ VÀ CON MÈO

Cô Mèo *thơ thân* ngồi chơi một mình ở trong vườn. Cô thấy con mèo lượn qua, cô gọi, cô vẫy⁽²⁾ lại. Mèo đến *lẩn quẩn* ở bên cạnh, cái đuôi ve vẩy như vui mừng, cái đầu ngẩng lên như chào hỏi, miệng thì kêu "meo meo" ra dáng bằng lòng lắm.

Cô Mèo chơi với con mèo cũng lấy làm vui thích. Cô lấy tay vuốt ve nó, ôm nó để ngồi vào trong lòng. Nhưng được một chốc, cô nắm đuôi con mèo, kéo một cái thật mạnh.

Mèo bị đau, giận quá, giơ ngay chân ra cào cô một cái, xước cả tay, rồi bỏ mà đi mất.

Cô Mèo *xít xa*, lại *thơ thân* ngồi một mình ở trong vườn. Thế mới biết người ác chẳng ai chơi với.

(1) nhỏ. – (2) ngoắc.

Giải nghĩa:

Thơ thân = buồn bã, vì chỉ có một mình.

Lẩn quẩn = quanh ở bên mình không rời đi chỗ khác.

Xít xa = ý nói đau đớn, muốn kêu cho ra tiếng. Có nơi gọi là thít tha.

Không ai muốn làm bạn với người ác

60. ÔNG NGUYỄN KIM

Khi nhà Mạc đã cướp ngôi vua rồi, thì ông Nguyễn Kim là người *trung thành* với nhà Lê, chạy trốn sang Lào. Người Lào giúp ông lương và tiền để ông đánh nhà Mạc phò nhà Lê. Ông lập ông hoàng tử Ninh là dòng dõi nhà Lê lên làm vua, rồi *chiêu tập* những người còn có bụng giúp nhà Lê.

Lúc ông đã đủ quân lính lương thực rồi, ông bèn về nước, đánh lấy đất Thanh Hóa, Nghệ An, rước vua Lê về, rồi lập một triều đình ở phía Nam. Năm sau ông đem quân ra Bắc đánh nhà Mạc, nhưng đến nửa đường thì bị một người hàng tướng nhà Mạc đánh thuốc độc chết.

Ông Nguyễn Kim thực là một người có công *khôi phục* lại nhà Lê.
Đền thờ ông nay ở Triệu Tường trong Thanh Hóa.

Giải nghĩa:

Trung thành = có bụng chỉ thờ một người hay là một họ đã cho mình ăn lộc.

Chiêu tập = họp lại làm một đảng.

Khôi phục = đánh lấy lại nước, lại quyền.

Ông Nguyễn Kim là một người bầy tôi trung

61. TRANG SỨC

Cô Năm chẳng học hành, chẳng may vá gì. Cả ngày chỉ cái gương, cái lược, chải chuốt, vuốt ve, sắm sửa trong mình cho đẹp. Bà mẹ thấy vậy, một hôm mắng rằng: "Mày tưởng chỉ có môi son, má phấn, áo quần là lượt mới là đẹp thời ư? Không, con ơi! Người ta đẹp không cốt gì ở cái *trang sức* bề ngoài. Chỉ có người làm ăn chăm chỉ *nết na* từ tế mới thật là đẹp mà thôi. Mày học hành khá, khâu vá giỏi, xếp đặt mọi việc trong nhà cho có ngăn nắp, ấy là cái đẹp của mày ở đây, con ạ."

Giải nghĩa:

Trang sức = quần áo, phấn sáp cho đẹp.

Nết na = tính tốt.

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

62. ĂN MẶC PHẢI GIỮ GÌN

Cùng một ngày, bà mẹ may cho anh Giáp và anh Ất, mỗi người một cái áo *luong*. Thế mà chưa được bao lâu, áo của anh Ất đã *sòn* rách năm bảy chỗ, còn áo của anh Giáp vẫn nguyên lành như mới. Tại sao vậy? Tại anh Ất có áo mà không biết giữ; lúc mặc thì *lê la* giầy vò; lúc cởi ra thì bọ dâu quăng đầy. Trách sao áo không chóng⁽¹⁾ rách được! Còn áo của anh Giáp thì vẫn nguyên lành, là vì khi nào mặc thì anh giữ gìn sạch sẽ, và khi nào cởi ra, thì anh chịu treo, chịu gấp cẩn thận.

Các anh nên bắt chước anh Giáp mà ăn mặc để cho khỏi tổn hại cha mẹ, và lại tập được cái tính tốt không *đuềnh đoàng*⁽²⁾ (lài xài).

(1) mau. – (2) tầm phào.

Giải nghĩa:

Lương = có khi gọi là the, một thứ dẹt bằng tơ và hay nhuộm thâm.

Sòn = sợi đã bợt ra, sắp rách.

Lê la = bạ đầu cũng sà xuống, không giữ gìn.

Duênh đoàng = lười trễ, không giữ gìn cẩn thận.

Ăn mặc phải giữ gìn cẩn thận.

63. MỘT CÁI THƯ

(Trong hình cái thư, nơi góc trái bên dưới, ấn bản 1935 QVGKT - Lớp DƯ ghi "Bắc Kỳ", ấn bản 1948 QVGKT - Lớp DƯ ghi "Bắc Việt"- TV.)

Tôi viết thư cho anh tôi ở Hải-dương. Tôi lấy một tờ giấy trắng. Trên dòng đầu, tôi đề ngày tháng, dưới tôi kể những tin tức ở nhà cho anh tôi biết. Sau tôi chúc cho anh tôi mọi sự bình yên, rồi tôi gấp⁽¹⁾ lại, bỏ vào phong bì⁽²⁾ trên dán cái *tem năm* [sáu] xu. Xong tôi sai người nhà đem thư ra bỏ vào thùng *nhà dây thép* cạnh *ga*. Thế là cái thư của tôi chỉ độ chiều mai là xuống tới Hải-dương, có người đem lại tận nhà cho anh tôi. Nghĩ mắt có *năm* [sáu] xu mà được việc như thế, thật cũng là tiện lợi.

(1) xếp. – (2) bao thư.

Giải nghĩa:

Tem = cái dấu in sẵn, phải mua, dán vào thư thì mới gửi được.

Nhà dây thép = nhà gửi các thư từ giấy má.

Ga = nhà xe lửa đỗ.

Nhà dây thép giúp ta được nhiều việc.

64. ÔNG TỔ SÁNG NGHIỆP RA NHÀ NGUYỄN: ÔNG NGUYỄN HOÀNG

Ông Nguyễn Hoàng là con thứ hai ông Nguyễn Kim, làm *trấn thủ* đất Thuận Hóa.

Lúc ông đến *nhậm chức*, dân ở đó mang dung ông bầy chum nước. Ông lấy làm lạ; người cậu ông bảo ông rằng [người cậu bảo ông rằng]: "Thế là lòng trời bảo cho biết đó: đây là điềm tướng công mở ra nước sau này đây!" Vì chữ "nước" vừa có nghĩa là "nước uống" vừa có nghĩa là "đất nước".

Về *trấn* Thuận Hóa rồi, ông bèn ra công làm cho trong hạt được yên ổn, lập đồn canh giữ, khai khẩn đất hoang, chọn dùng những người tài giỏi, hết sức làm cho dân sự mên phục. Ông thực là người gây dựng ra cơ nghiệp nhà Nguyễn ngày nay.

Giải nghĩa:

Trấn = tên đặt cho những tỉnh lớn về đầu nhà Nguyễn.

Trấn thủ = quan cai trị một trấn.

Nhậm chức = bắt đầu nhận công việc làm quan.

Lòng trời tựa ông Nguyễn Hoàng

65. THƯ GỬI MỪNG THẦY HỌC

Ngày..... tháng..... năm.....

Thưa thầy,

Năm mới, con ở nhà được chúc mừng cha mẹ con. Con tiếc không được gần thầy để chúc mừng thầy.

Con còn bé dại, chưa biết viết thư thế nào cho hay. Con chỉ biết chúc thầy được mạnh khỏe, sống lâu, cũng như con đã chúc cho cha mẹ con vậy. Nhân dịp (nhịp) con lại xin *hứa* cùng thầy rằng: năm nay con hết sức học hành và không bao giờ dám quên công phu khó nhọc thầy dạy dỗ chúng con.

Học trò kính lạy:

Nguyễn Văn.....

Giải nghĩa:

Mừng tuổi = mừng ai được thêm một tuổi ngày mùng một đầu năm.

Hứa = nhận làm một việc hay nhận cho cái gì.

Mừng tuổi nhau năm mới

66. CÁI CÒ, CÁI VẠC, CÁI NÔNG

(Ca dao)- Bài học thuộc lòng.

Cái cò, *cái vạc*, *cái nông*,
Sao mày giậm lúa nhà ông, hỡi cò?
– Không, không tôi đứng trên bờ,
[Không, không tôi đứng trên bờ,]
Mẹ con cái vạc đổ ngờ cho tôi.
Chẳng tin, thì ông *đi đôi*,
Mẹ con nhà nó còn ngồi đây kia.

Đại ý:

Bài này lấy chuyện con cò, con vạc, con nông, mà ngụ cái ý chê người nhà quê hay có tính xấu đôi co (chối) mách lẻo.

Giải nghĩa:

Cái vạc = cái vạc tức là con vạc, một thứ chim về loài cò, lông xám hay lốm đốm, thường đi ăn về ban đêm.

Cái nông = một thứ chim thuộc về loài vịt, ta thường gọi là bồ nông hay bèo bèo, mình to bằng ba con vịt, mỏ dài và ở dưới có một cái túi để đựng cá.

Đi đôi = đi đôi co (chối) để đối tụng.

Ta không nên đôi co mách lẻo.

67. CHIM SƠN CA (CHUYỆN CHUYỆN)

Chim sơn ca là một thứ chim ở ngoài đồng, mình và lông gần giống như chim sẻ, nhưng mỏ dài và chân nhỏ hơn.

Chim sơn ca là giống chim hay hát, nhất là về mùa xuân. Thường thường nó vừa bay, vừa hát, càng bay cao, giọng càng *véo von*. Tiếng hát to, có khi nó bay thật cao, trông không thấy, mà vẫn nghe tiếng hát. Khi không bay thì *đậu* ở dưới đất, chứ không đậu trên cành cây mà những lúc đậu ở dưới dưới đất, thì không hát bao giờ.

Người ta thường nuôi chim sơn ca để nghe nó hát; song nuôi nó thì công phu lắm, và phải

bắt từ khi mới nở thì mới nuôi được.

Giải nghĩa:

Véo von = cao giọng mà nghe hay.

Đậu = đứng một chỗ, nói về loài chim.

Chim sơn ca hay hát về mùa xuân

68. LŨY ĐỒNG HỚI

Lũy Đồng Hới là cái lũy chúa Nguyễn đắp lên để giữ *bờ cõi* cho quân Trịnh ở ngoài Bắc khỏi tràn vào. Lũy ấy bắt đầu từ cửa sông Nhựt Lệ đến chân núi Đâu mâu [Mâu], cao gần 6 thước tây, dài 12 ki-lô-mét. Lũy đắp bằng đất, ngoài cắm *đà* bằng gỗ lim, trong có đường cho voi ngựa đi lại. Lũy ấy *kiên cố* lắm, thường quân Bắc vào đến đó là không tiến lên được nữa.

Lũy ấy tục gọi là lũy Thầy, vì người đời bấy giờ thường gọi ông Đào duy Từ [Đào Duy Từ] là "thầy", mà ông Đào duy Từ [Đào Duy Từ] là người vẽ kiếu và trông nom việc đắp cái lũy ấy.

Giải nghĩa:

Bờ cõi = chỗ hai nước giáp nhau.

Đà = ván gỗ cắm xuống đất mà sát vào mặt lũy.

Kiên cố = bền chặt, không ai phá được.

Lũy để giữ bờ cõi

69. CON CHUỘT

Con chuột, mình nhỏ, mõm nhọn, mắt to⁽¹⁾, tai rộng, đuôi dài mà *thót* (nhọn). Lông nó ngắn và mềm. Chuột ở đâu cũng có, trong nhà, ngoài đồng, vườn tược, rừng rú. Chuột to ở dưới cống gọi là chuột cống, chuột nhỏ ở trong nhà gọi là chuột nhắt (lắt); chuột ở ngoài đồng gọi là chuột đồng. Nó ăn quả, ăn hạt, ăn củ, ăn cây, cắn giấy, cắn vải, cắn gỗ, cắn da, cái gì nó cũng *gặm* được. Răng chuột cứng và sắc, nên nó khoét được cả tú và *ruong*. Lúc đói, nó cắn cả quần áo của ta nữa. Giống chuột chỉ làm hại ta và lại nguy hiểm cho ta nữa, vì nó có thể đem bệnh dịch hạch mà truyền đi mọi nơi.

(1) lớn.

Giải nghĩa:

Thót = dài mà đàn cuối cứ nhỏ dần mãi.

Gặm = cắn bằng răng cửa.

Ruong = hòm để đựng đồ.

Chuột chẳng được ích lợi gì cho ta cả

70. Ở SẠCH THÌ KHÔNG HAY ĐAU MẮT

Một hôm cậu thằng Bính đến chơi, đang ngồi nói chuyện thì thằng Bính chạy ra nghịch đất, rồi lấy tay *giụi* vào mắt. Bà mẹ trông thấy mắng rằng: "Tay mày bẩn⁽¹⁾ thế mà giụi (chùi) vào mắt. Mày lại muốn mù như thằng Phác hay sao? Đi rửa ngay đi!" Bính nghe

lời mẹ, vội vàng đi múc nước rửa.

Bà mẹ lại nói rằng: "Trẻ con ta nhiều đũa đau mắt cũng chỉ vì dơ bẩn (nhớ nhúa) thế mà thôi". Ông cậu nói: "Phải, bệnh đau mắt nước ta nhiều thật, nhưng nghe nói rằng từ khi Nhà nước đặt ra cuộc *y tế*, các thầy thuốc tây đi chữa đã bớt được nhiều". Bà mẹ nói: "Thế là may lắm, chứ người ta còn có gì khổ bằng hư hai con mắt".

(1) dơ.

Giải nghĩa:

Giụi = lấy tay cọ vào mắt.

Y tế = cuộc chữa thuốc giúp người bệnh tật.

Ở sạch thì không hay đau mắt.

71. LÝ TRƯỞNG LÀNG TA

Lý⁽¹⁾ trưởng là người của dân cử ra làm việc làng. Trong làng có việc gì ra đến quan [Công sở], thì lý trưởng đi thay mặt dân. Quan trên [Công chức cao cấp] có lệnh gì truyền về làng, cũng trách cứ ở lý trưởng. Hương hội có quyết định việc gì, thì lý trưởng phải thi hành. Nhưng công việc hệ trọng nhất của lý trưởng là việc sưu thuế. Vì bao nhiêu tiền *thuế đình*, *thuế điền*, cùng một tay lý trưởng thu để đem nộp quan cả. Xem thế thì công việc lý trưởng nặng nhọc lắm.

(1) xã.

Giải nghĩa:

Thuế đình = thuế người.

Thuế điền = thuế ruộng.

Lý trưởng là người của làng cử ra.

72. CỔ ALEXANDRE DE RHODES VÀ VIỆC ĐẶT RA CHỮ QUỐC NGỮ

Ngày xưa, ở nước ta, muốn viết tiếng ta, thì người ta dùng một lối chữ gọi là “chữ nôm” do ở chữ nho ra. Những chữ ấy khó đọc lắm.

Đến khi các ông cố đạo ở Châu Âu sang nước Nam [Việt Nam], các ông ấy mới lấy những chữ cái vẫn *la tinh* mà đặt ra chữ “quốc ngữ” tức là chữ ngày nay trong nước ta đã *thông dụng* vậy.

Các ông cố người Pháp và nhất là cố Alexandre de Rhodes có công trong việc đặt ra lối chữ ấy lắm.

Cố Alexandre de Rhodes ở bên nước Nam [Việt Nam] ngoại bảy năm. Ông có viết nhiều sách về nước Nam, nhất là quyển lịch sử đất Bắc kỳ [Việt] và một *tự điển* tiếng ta dịch ra tiếng la tinh và tiếng Bồ Đào Nha. Các sách của ông là những sách in đầu tiên bằng chữ quốc ngữ.

Giải nghĩa:

La tinh = tiếng người La Mã nói đời xưa, mà là gốc tiếng Pháp, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Ý pha nho, tiếng Ý đại lý, tiếng Lỗ ma ni ngày nay.

Thông dụng = dùng khắp mọi nơi trong nước.

Tự điển = sách chép hết cả những chữ dùng trong một tiếng mà có chua nghĩa rõ ràng.

Các ông cố đạo Âu Châu đặt ra chữ quốc ngữ.

73. TUẦN PHU

Tuần phu là trai tráng trong làng cắt ra để canh phòng cho dân. Hoặc họ ngồi trong điểm⁽¹⁾ đánh trống cầm canh, hoặc họ *đi lùng* đây đó, xó chợ, đầu đình, ngoài đồng, trong ngõ, để rình bắt những kẻ *gian phi*, trộm cướp. Vì có tuần phu nên của cải ta để trong nhà, không sợ mất cắp, thóc lúa ở ngoài đồng không sợ gặt trộm; ngày ta được yên tâm làm ăn, đêm ta được vững dạ ngủ ngon. Thật là việc *trị an* chung cho cả dân làng, mà tuần phu phải sớm khuya khó nhọc. Có khi họ liêu minh, xông vào chỗ đầu gậy, mũi dao, nguy hiểm đến nỗi phải bị thương hay *bỏ mạng*. Vậy ta há lại không biết công cho họ ru?

(1) nhà hờ.

Giải nghĩa:

Đi lùng = đi khắp mọi nơi để tìm tòi ai, hay tìm cái gì.

Gian phi = kẻ làm điều trái phép.

Trị an = coi sóc cho được yên ổn.

Bỏ mạng = chết.

Tuần phu là trai tráng trong làng cắt ra.

74. THÚ THẬT

Cậu Tô thơ thân chơi một mình ở trong phòng. Bỗng chốc cậu trông thấy có quít để trong nắp quả, trên bàn. Ôi chà! Những quả quít sao mà đồ đẹp làm cho người ta *thèm* rỏ dãi (nhỏ nước miếng)! Không sao nhìn được, Tô chạy lại, lấy một trái bóc ăn.

Chiều đến, lúc mẹ về, gọi các con lại để cho quít thì thấy mất một trái. Mẹ liền hỏi: "Đứa nào lấy quít đây?" Tô đỏ bừng mặt, cúi đầu xuống, *lặng lặng* một lúc, rồi thú ngay rằng: "Thưa mẹ, con."

Mẹ mắng: "À! Thằng này ăn vụng à! Ăn vụng xấu lắm, từ giờ phải chừa đi. Tao tha cho bạn này, vì mày đã biết thú thật mà nhận lỗi."

Giải nghĩa:

Thèm = muốn ăn.

Lặng lặng = im không nói gì.

Khi phạm lỗi, nên thú thật

75. ĐI CÂU

Những ngày nghỉ học, thỉnh thoảng tôi lại theo anh tôi đi *câu* cá. Anh tôi vác cần đi trước, tôi cầm mồi và xách giỏ theo sau. Chúng tôi thường hay câu ở các bờ ao, những nơi có bóng mát. Khi mồi trôi, thả xuống ao, *phao* nổi lên bênh. Lúc nào thấy phao động đập ấy là cá cắn. Hễ phao chìm xuống, là anh tôi giật. Mà giật được con nào, tôi bỏ ngay vào giỏ. Anh tôi câu như thế, thường hay được cá rô, cá giếc, cá trê, cá chép, bạn nào cũng được ít nhiều, có khi ăn đến hai bữa không hết.

Giải nghĩa:

Câu = bắt cá bằng cần câu.

Phao = ống lồng ngỗng hay miếng gỗ bộp, buộc vào chỉ câu để nổi trên mặt nước.

Tôi theo anh tôi đi câu.

76. VUA GIA LONG

Vua Gia Long, *húy* là Nguyễn Phúc Ánh, là cháu ông chúa cuối cùng nhà Nguyễn. Chúa Nguyễn bị quân Tây Sơn giết, ngài mới họp *thủ hạ* lại, vào đánh lấy đất Nam *kỳ* [Việt]. Nhưng sau nhà Tây Sơn mang quân vào đánh, ngài bị thua. Ngài phải trốn sang Xiêm, rồi sai con là hoàng tử Cảnh đi với ông Bá Đa Lộc sang Pháp cầu cứu.

Sau ngài lại trở về Nam *kỳ* [Việt], đánh lấy được thành Sài-gòn. Được ít lâu thì có tàu chiến, quân, tướng và binh khí bên Pháp sang giúp. Ngài bèn tiến ra Bắc, đánh lấy thành Qui Nhơn, Huế và Hà Nội. Ngài *thu phục* được cả giang sơn nước Nam [Việt Nam], mới lên ngôi hoàng đế mà lập ra cơ nghiệp nhà Nguyễn.

Giải nghĩa:

Húy = tên tục, cha mẹ đặt ra để gọi mình.

Thủ hạ = người theo về với người khác, thuộc quyền người ta sai bảo.

Thu phục = lại lấy lại.

Vua Gia Long sáng nghiệp ra nhà Nguyễn.

77. NGƯỜI ĐI CÂY

(Ca dao)- Bài học thuộc lòng.

Người ta đi cây lấy công,
Tôi nay đi cây còn *trông* nhiều bề:
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho *chân cứng, đá mềm*,
Trời êm, bề lặng mới *yên tâm lòng*.

Đại ý:

Bài này nói người làm ruộng quanh năm ngày tháng cứ phải lo lắng luôn, vì có được mùa thuận, gió hòa thì mới được mùa và mới có đủ ăn, và mong thiên hạ được thái bình.

Giải nghĩa:

Trông = mong mỏi, ao ước.

Chân cứng, đá mềm = tục ngữ, ý nói được khỏe mạnh để làm công việc.

Yên tâm lòng = khỏi phải lo sợ.

Có cày, có cấy mới có thóc, gạo mà ăn.

78. DA

Da bọc khắp thân thể, che chở cho các *cơ quan ở trong*.

Da lại còn có công việc cần hơn nữa. Khi ta vận động nhiều, hay mùa nực, ta uống nước, ra nắng, thì thấy mồ hôi chảy. Mồ hôi chảy, tức là đem những chất vô ích hay chất độc

trong mình ra ngoài. Mồ hôi chảy là *do* những lỗ chân lông rải rác khắp trên mặt da. Ta chớ để cho ghét bụi làm lấp những lỗ chân lông lại. Ta phải *năng* tắm rửa cho sạch sẽ, để cho thông hơi, thì những cơ quan trong người mới khỏe mạnh.

Giải nghĩa:

Cơ quan ở trong = là nôi thịt, gân, mạch máu, v.v...

Do = bởi đó mà ra.

Năng = luôn luôn.

Da phải giữ cho sạch

79. NGƯỜI TA CẦN PHẢI VẬN ĐỘNG

Người Ngô Phổ hỏi ông Hoa Đà cái cách giữ vệ sinh thể nào, ông *Hoa Đà* nói rằng: "Người ta phải làm lụng vận động luôn, thì ăn uống mới dễ tiêu hóa, *huyết mạch mới dễ lưu thông* và bệnh tật không sinh ra được. Cái chìa khóa mà không gì, là vì dùng đến luôn. *Nước giữa dòng* mà không dơ bẩn, là vì chảy luôn. Người ta cũng vậy, có vận động thì mới khỏe mạnh."

Người Ngô Phổ theo lời dạy ấy. Quả nhiên, mỗi ngày một khỏe ra, và sống được ngoài chín mươi tuổi.

Giải nghĩa:

Hoa Đà = một người chữa thuốc giỏi đời cổ.

Huyết mạch lưu thông = nói máu chạy luôn trong mạch máu.

Nước giữa dòng = nước ở giữa lòng sông.

Có vận động thì huyết mạch mới lưu thông.

80. ÔNG BÁ ĐA LỘC

Ông Bá Đa Lộc là người Pháp. Ông sang Nam kỳ [Việt] để truyền đạo Thiên Chúa. Đến đấy thì ông gặp vua Gia Long bị nhà Tây Sơn đánh thua, đang phải trốn tránh. Ông thấy nhà vua *thế cùng lực tận*, ông bèn đi với hoàng tử Cảnh về bên Pháp cầu cứu, rồi lại sang nước ta giúp vua Gia Long khôi phục lại cơ nghiệp cũ.

Ông Bá Đa Lộc *thủy chung*, đến lúc chết vẫn là một người bạn tận tâm và một người *phò tá* sáng suốt của vua Gia Long: ông theo ngài trong các trận mạc mà lại là thầy dạy hoàng thái tử học nữa.

Về phần vua Gia Long cũng yêu mến ông lắm. Lúc ông mất, ngài làm lễ chôn cất rất trọng thể: nhà vua, các quan, các *hoàng thân*, *tôn thất* đều đưa đi cả. Lăng ông xây ở gần thành phố Sài Gòn, trong khu vườn mà hồi sinh thời ông, ông hay chăm nom trồng trọt.

Giải nghĩa:

Thế cùng lực tận = chỉ còn một mình mình, không có ai giúp, mà phải chịu nhiều nỗi khổ sở.

Thủy chung = từ trước đến sau.

Phò tá = người giúp việc.

Hoàng thân = người họ gần với vua.

Tôn thất = người trong họ nhà vua.

Ông Bá Đa Lộc là một người bạn hiền của vua Gia Long.

81. BA THẦY THUỐC GIỎI

Một ông thầy thuốc già, chữa bệnh giỏi có tiếng. Phải khi ông ốm nặng, các học trò đến châu chực, thuốc thang bên cạnh. Ông *cố gượng* nói rằng: “Lão biết mình lão đã đến ngày *tận số* rồi, nhưng lão có nhắm mắt, cũng *cam lòng*, vì lão có để lại cho đời ba thầy thuốc rất hay”. Ông nói đến đây, nhọc quá, phải nghỉ. Các thầy thuốc học trò thấy ông nói thế, đều lắng tai nghe, ai cũng nghĩ bụng, trong ba người ấy, thế nào cũng có tên mình. Ông nghỉ rồi lại nói: “Trong ba thầy thuốc ấy, thì hay nhất là thầy Sạch sẽ, thứ nhì là thầy Điều độ, thứ ba là thầy Thê thao. Sau khi thầy mất rồi, nếu các anh biết theo ba thầy ấy mà chữa cho người ta, thì *thiên hạ* khỏi được biết bao nhiêu là bệnh tật”.

Đại ý:

Bài này là bài ngụ ngôn, ý nói thầy thuốc nào cũng không bằng ăn ở sạch sẽ, ăn uống điều độ, năng tập thể thao.

Giải nghĩa:

Cố gượng = ra sức, gắng gượng mà nói, vì lúc ấy ông lang già đã yếu lắm rồi.

Tận số = hết số, sắp chết.

Cam lòng = thoả lòng hả dạ.

Thiên hạ = nói chung cả mọi người ta.

Sạch Sẽ, Điều Độ, Thê Thao là ba thầy thuốc giỏi.

82. PHẢI CÓ THỨ TỰ

Đồng hồ đánh bảy giờ. Con Phong *ung dung* cặp sách đi học. Trong cặp nó đã sắp sẵn đủ cả sách, vở, bút⁽¹⁾, mực, bút chì và những đồ dùng khác. Ở lớp học cần đến cái gì, là có ngay. Nó không bỏ quên hay để mất cái gì bao giờ.

Hết buổi học về, Phong thay áo, treo lên mắc hay xếp vào hòm (rương), rất cẩn thận. Nên quần áo của Phong lúc nào trông cũng như mới.

Cả đến những chăn⁽²⁾, gối, ở trên giường, giày, guốc để ở dưới đất, các đồ chơi để trong rương Phong cũng thu xếp đâu vào đấy, thật là *gọn ghẽ*. Nên khi dùng đến cái gì, là thấy ngay, không phải tìm (kiếm) mất công mất thời giờ. Phong là một đứa bé có thứ tự, ta nên bắt chước.

(1) viết. – (2) mền.

Giải nghĩa:

Ung dung = ôn hòa, thư thả.

Gọn ghẽ = cái gì cũng có một chỗ để, không bỏ bậy, bỏ bạ.

Đồ đạc xếp đặt có thứ tự.

83. RAU MUỐNG

Rau muống mọc ở các ao hồ là một thứ rau ta rất hay ăn. Người ta thường hái và bó nhiều ngọn với nhau, thành từng mớ, các ngọn rau có lá, người ta nhặt⁽¹⁾ những *lá sâu*, *lá úa* và bỏ những cuống (cọng) già đi, rồi đem luộc, hoặc xào, hoặc nấu canh. Xào, thì phải có mỡ và thường cho thêm tỏi. Nấu canh, thì thường nấu với tương hoặc nấu với cua

đồng, *tôm he* hay sườn lợn⁽²⁾. Rau muống luộc mà chấm với tương ăn cũng ngon; còn nước luộc rau thì đem chan vào cơm mà ăn với cá, cũng thú vị.

(1) lật. – (2) heo.

Giải nghĩa:

Lá sâu = những lá sâu bọ đã cắn dở.

Lá úa = những lá vàng, không tươi tốt.

Tôm he = tôm bẻ.

Còn ao rau muống, còn đây chum tương.

84. ÔNG PHAN THANH GIẢN

Ông Phan Thanh Giản làm *kinh lược sứ* ba tỉnh phía tây trong Nam kỳ [Việt]. Khi chánh phủ Pháp đánh lấy ba tỉnh ấy, ông biết rằng chống với nước Pháp không được nào, mới truyền đem thành trì ra nộp. Nhưng ông muốn tỏ lòng trung với vua và tự trị tội mình không giữ nổi tỉnh thành cho nước, ông bèn uống thuốc độc *tự tử*.

Chánh phủ Pháp thấy ông là một bậc vĩ nhân mà chết như thế, lấy làm cảm phục lắm, mới làm ma cho ông rất trọng thể, cho một chiếc tàu chiến đem linh cữu ông về quê ông, lúc chôn có lính tây làm lễ chào.

Giải nghĩa:

Kinh lược sứ = quan đại thần vua cho rộng quyền cai trị một hạt.

Tự tử = tự mình giết mình.

Người Pháp làm ma cho ông Giản rất trọng thể.

85. BẮP NGÔ

Ngoài bắp có mấy cái lá mỏng bao bọc, trên đầu có ít sợi, gọi là râu ngô⁽¹⁾. Bóc (lột) hết lá ra, thì thấy các hạt ngô xếp liền nhau, đều từng hàng. Khi *lấy* (lật) hạt đi, thì thấy cái lõi (cùi). Ngô để cả bắp, thì người ta luộc, hoặc nướng mà ăn. Bắp nào càng non bao nhiêu, thì ăn càng ngon ngọt bấy nhiêu. Ngô thật già, thì người ta lấy hạt ra, phơi khô để dành. Rồi *rang bỏng*, gọi là bỏng ngô⁽²⁾, hoặc *bung dừ* (nhừ), gọi là ngô bung⁽³⁾, ăn cũng ngon. Có khi người ta nấu lẫn với cơm mà ăn.

(1) bắp. – (2) bắp rang. – (3) bắp nấu.

Giải nghĩa:

Lấy = tia hạt ở bắp ra.

Rang bỏng = bỏ hạt ngô vào chảo hay nồi rang, rồi đun cho nó nổ và nở ra.

Bung = nấu cho dừ.

Ngô nấu lẫn với cơm ăn cũng được.

86. GỪNG VÀ RIỀNG

Củ gừng thường có lắm *nhánh*, nhưng nhiều khi nó *vặn vẹo*, sù sì, không ra hình rặng cái gì cả. Nhắm nó vào lưỡi, thì thấy cay, nên người ta hay nói: "cay như gừng". Thế mà gừng nấu với đường, làm thành *mứt*, ăn cũng ngon. Gừng lại dùng làm đồ *gia vị* và làm

thuộc nữa. Khi đau bụng mà ăn một miếng gừng nướng, thì thấy nóng bụng và đỡ ngay. Riềng cũng thuộc về một giống với gừng, nhưng củ nó đỏ và vị nó thì *hắc*. Riềng thường dùng để kho cá, nấu *giả cây* và làm đồ gia vị cũng được.

Ghi chú dưới hình minh họa: Phan Thanh Giản []; ([] = Tuyển Tập QVGKT, NXB Văn Học 2011 không có ghi chú “Phan Thanh Giản”, nhưng ở cuối trang có chú thích như sau:

Chú thích - Phan Thanh Giản tuy đã tự tử nhưng vẫn bị triều đình bắt tội và công hay tội ngày nay lịch sử còn chưa thống nhất quan điểm. TV.)

Giải nghĩa:

Nhánh = chồi mọc ở củ cái ra.

Vặn vẹo = cong queo, không thẳng.

Mứt = một thứ thắng với đường để ăn.

Gia vị = thêm vị, như: cay, chua, ngọt, chát, v.v...

Hắc = mùi xông lên mũi.

Giả cây = giả làm thịt chó.

Gừng thì cay, riềng thì hắc.

87. CHUYỆN ÔNG TỬ LỘ

Ông Tử Lộ, xưa nhà nghèo, phải đi đội gạo để lấy tiền nuôi cha mẹ. Vậy mà lúc nào ông cũng lấy làm vui vẻ trong lòng, vì có thể thì con mới tỏ hết lòng hiếu với cha mẹ.

Về sau, ông chịu khó học tập, thành người có danh vọng, khi được đi làm quan, thì cha mẹ đã *khuất núi* cả. Nên tuy là sang trọng giàu có, mà lúc nào ông cũng có ý buồn rầu nghĩa nợ. Ông thường phàn nàn, tiếc rằng không con cha mẹ, để lại đội gạo, lấy tiền nuôi nấng như khi xưa.

Ông Tử Lộ là một bậc *hiền triết* thuở xưa, ăn ở với cha mẹ được hiếu thảo như thế, ta há chẳng nên trông đó mà bắt chước hay sao! Lúc cha mẹ còn, ta phải dốc lòng thờ phụng cho hết đạo làm con.

Giải nghĩa:

Khuất núi = mất rồi.

Hiền triết = người đức hạnh tốt và học vấn rộng.

Con phải hết lòng thờ phụng cha mẹ.

88. GIẶC KHÁCH Ở BẮC KỲ [VIỆT]

Về đời vua Tự Đức, có những bọn giặc khách gọi là Cờ đen và Cờ vàng tràn sang Bắc kỳ [Việt] ta, đi đến đâu phá hại dân sự, đốt cháy làng mạc, *bắt hiếp* đàn bà con gái đến đây. Chúng tàn phá đến nỗi ngày nay, nói đến chúng mà dân sự vẫn còn khiếp sợ. Lại thêm những quân trộm cướp *bắt lương* trong nước *nhập đảng* với chúng nữa. Đang khi ấy thì có những "giặc tàu ô" quấy nhiễu ngoài ven biển xứ Bắc kỳ [Việt] và tàn phá những làng mạc vùng đó.

Mãi đến lúc nước Pháp đặt cuộc bảo hộ rồi, cho quân lính đi *dep*, giặc mới tan mà trong nước trước bị loạn lạc mãi bấy giờ mới được yên.

Giải nghĩa:

Bắt hiếp = bắt đem đi mà làm cho khổ sở.

Bất lương = có tính hung ác.

Nhập đảng = theo làm một bọn.

Đẹp = đánh đuổi cho đến cùng.

Giặc khách tàn phá các làng.

89. PHẢI BẠO DẠN MỚI ĐƯỢC

Thằng Ba vào giường ngủ. Đèn đuốc tắt cả rồi. Ba *hoảng sợ* kéo chăn⁽¹⁾ trùm kín mít.

Một lát, vừa mở chăn ra, Ba kêu lên một tiếng: "Ồi chao! Có người rình rập ven tường!"

Bà mẹ nghe tiếng, vội vàng cầm đèn chạy vào hỏi: "Cái gì thế, cái gì mà kêu thế?"

- Ổi chao! Có người.

- Người đâu? Đâu nào?

Ba ngồm⁽²⁾ dậy, trở vào tường, thì ra chỉ có cái áo treo ở đấy. Lúc bấy giờ Ba mới *hoàn hồn*.

Bà mẹ vừa cười vừa nói: "Rõ *sợ hãi sợ huyền*. Con trai đâu mà nhút nhát như vậy!"

Ba lấy làm xấu hổ, lại nằm xuống ngủ.

(1) mền. – (2) xồm.

Giải nghĩa:

Hoảng sợ = thốt nhiên sợ ở đâu đến.

Hoàn hồn = lúc sợ như mất hồn đi rồi lại tỉnh lại.

Sợ hãi sợ huyền = sợ cái không đáng sợ.

Người ta phải bạo dạn mới được.

90. CHUYỆN SƠN TINH, THỦY TINH

Tục truyền rằng vua Hùng Vương thứ mười tám có người con gái rất đẹp. *Sơn Tinh*

và *Thủy Tinh* đều muốn hỏi làm vợ.

Hùng Vương hẹn ai đem đồ lễ đến trước, thì gả cho. Sáng hôm sau, *Sơn Tinh* đến trước, lấy được vợ đem lên núi.

Thủy Tinh đến sau, tức giận lắm, bèn làm mưa to gió lớn, rồi dâng nước lên đánh *Sơn Tinh*.

Sơn Tinh ở trên núi, hễ nước lên cao bao nhiêu thì lại làm núi cao bấy nhiêu. *Thủy Tinh* đánh mãi không được, phải rút về. Nhưng từ đó về sau, năm nào *Sơn Tinh* và *Thủy Tinh* cũng đánh nhau một lần. Khi hai bên đánh nhau thì trời mưa, nước sông lên *mênh mông* làm hại cả đồng điền.

Đại ý:

Nhân vì ở nước ta năm nào cũng có nước lũ xuống, ngập cả đồng bằng, và lại hay có mưa gió, người ta không hiểu tại lẽ gì, cho nên bịa đặt ra chuyện này.

Giải nghĩa:

Sơn Tinh = thần trên núi.

Thủy Tinh = thần dưới nước.

Mênh mông = lai láng khắp cả mọi nơi.

Trời nắng thì trời lại mưa.

91. ANH EM PHẢI HÒA THUẬN

Nhà kia có hai anh em hay ganh tị, thường cãi nhau luôn. Người cha thấy thế, mới bảo rằng: "Các con nghe câu chuyện này: Một hôm tay trái thấy tay phải⁽¹⁾ việc gì cũng tranh lấy mà làm, mới đem lòng ganh tị và *sinh sự* cãi nhau. Hễ tay phải cầm cái gì, là tay trái giựt lại. Rồi hai tay đánh đập nhau, đến nỗi cùng bị đau cả. Lúc ấy, đầu mới bảo hai tay rằng: "Chúng bay là anh em chung một máu mủ, chúng bay không biết rằng đũa nọ làm đau đũa kia, tức là làm đau cả mình ư? Và khi anh em đánh nhau như vậy, thì mất cả công việc, còn làm ăn gì được? Chúng bay không nên đánh đập nhau, phải *hòa thuận* với nhau."

Các con ơi, các con cũng như hai bàn tay trong chuyện này. Các con phải biết nhường nhịn nhau và thương yêu nhau mới được."

(1) mặt.

Giải nghĩa:

Sinh sự = bày chuyện để gây mối cãi nhau, đánh nhau.

Hòa thuận = hòa là êm đềm; thuận là nhường nhịn.

Anh em như thể chân tay.

92. ÔNG PAUL BERT

(Bài này không có trong Tuyển Tập QVGKT, NXB Văn Học, ấn bản 2011)

Cuộc bảo hộ bên nước ta đặt được ít lâu thì chánh phủ Pháp cử ông Paul Bert sang làm Toàn quyền xứ Đông pháp. Ông là một nhà chánh trị giỏi, lại là một *nhà khoa học* có tiếng. Ông rất là nhân từ, thấy dân khổ vì loạn lạc đã lâu, bèn tha cho những số thuế còn thiếu, *trợ cấp* cho những người bị lụt, bị cháy nhà, và sửa sang đê điều cho khỏi hại về sau. Ông mở trường dạy chữ quốc ngữ và chữ Pháp, đặt ra hội đồng kỳ hào lần thứ nhất, khuyến khích việc canh nông và việc thương mại và sửa soạn mở một cuộc đấu sảo đầu tiên những sản vật xứ Đông pháp.

Ông Paul Bert chỉ muốn làm thế nào cho dân ta được sung sướng mà thôi. Chẳng may vì nhọc mệt quá, nên ông bị ốm, ở được bảy tháng bên nước ta thì mất.

Thực là nước Nam mất một bậc đại *ân nhân*.

Giải nghĩa:

Nhà khoa học = người chuyên về một khoa học nào như: toán pháp, thiên văn, y học, văn vân.

Trợ cấp = cho tiền cho gạo để giúp khi túng đói.

Ân nhân = người làm ơn cho mình.

Ông Paul Bert mở trường dạy ta học.

93. BỊNH CHÓ DẠI

Một hôm, thằng Canh đang chăn bò ngoài bãi cỏ, bỗng chốc nó nghe tiếng lũ trẻ chơi gần đấy kêu âm lên. Nó ngoảnh lại thì thấy một con chó dại⁽¹⁾ đang đuổi cắn. Thằng Canh sẵn gậy cầm ở tay, liền chạy lại đánh, thì con chó *chồm* lên cắn phải tay nó. Nó hăng

lên, *phang* vào đầu con chó mấy cái thật mạnh, thì con chó chết ngay.
Đoạn nó đánh bò về nhà, kể chuyện lại, thì cha nó liền đem nó vào *nhà thương* để chữa.
Được ít lâu thì nó khỏi.

Ấy là nhờ có ông *bác sĩ* người Pháp là Pasteur đã tìm ra được thứ thuốc chữa bệnh chó dại, thì những người bị chó dại cắn mới chữa được, chứ như trước, đã bị chó dại cắn, thì không mấy khi sống.

(1) điền.

Giải nghĩa:

Chôm = nhảy xổ lên.

Phang = cầm gậy đánh thật mạnh.

Nhà thương = nhà chữa bệnh.

Bác sĩ = người học thông thái.

Ông Pasteur là một người có công với nhân loại.

94. NƯỚC CÓ TRỊ THÌ DÂN MỚI AN

Nước ta thuở xưa thường hay loạn lạc. Những quân gian phi nhân dịp quấy nhiễu, cướp phá mọi nơi, bắt người lấy của, đốt cửa đốt nhà, tàn hại lương dân. Bây giờ thì không thế nữa, đâu đấy được yên ổn, ai nấy đều vui lòng mà làm nghề nghiệp mình. Được như thế, là nhờ có Nhà nước Bảo hộ lập ra pháp luật [là nhờ pháp luật] *ngghiêm minh*, định việc *quan phòng* cẩn mật.

Đâu đâu cũng vậy, trong nước có *yên trị* thì nhân dân mới được yên nghiệp mà làm ăn và mới phú cường được.

Giải nghĩa:

Ngghiêm minh = *ngghiêm* là nghiêm ngặt, không dung túng; *minh* là rõ ràng, công bình.

Quan phòng = canh giữ.

Yên trị = được yên ổn, thái bình.

Nước có trị thì dân mới an.

95. ĐỀN NGỌC SƠN Ở HÀ NỘI

Ở Hà Nội có cái cảnh đẹp là cảnh đền Ngọc Sơn ở giữa hồ Hoàn kiếm. Đền này làm từ đời nhà Hậu Lê, trên một cái gò (cồn) nổi lên ở giữa hồ. Người đi lại phải qua một cái cầu bằng gỗ. Ở ngoài đường đi vào, về bên trái, có một cái núi đá, người ta đắp lên và có xây một cái *tháp*vuông, ở trên ngọn có cái ngòi bút⁽¹⁾ đề là: "bút tháp". Vào đến gần cầu, ở trên cái cửa tò vò⁽²⁾ có cái ngiên đá, đề là: "nghiễn đài". Vì đền Ngọc Sơn thờ Văn Xương đế quân là một vị thần coi việc văn học, cho nên mới xây những ngiên bút như thế.

Trước cửa đền có cái nhà *thủy tạ*, gọi là "Trần ba đình", giữa có dựng cái *bia đá* để ghi sự tích cái đền ấy. Đến mùa viêm nhiệt, người ta thường hay ra đây hóng mát và ngắm phong cảnh, thật là có bề thanh thú lắm.

(1) viết. – (2) cuốn.

Giải nghĩa:

Tháp = cột xây bằng đá hay bằng gạch, ở chỗ đền chùa.

Thủy tạ = nhà làm ở giữa hồ.

Bia đá = một tảng đá người ta dựng lên, rồi khắc chữ vào để ghi nhớ sự tích gì.

Đền Ngọc Sơn là một cảnh đẹp ở Hà Nội.

96. THÀNH PHỐ SÀI GÒN

Sài Gòn là kinh đô xứ Nam kỳ mà là [Sài Gòn là] *hải cảng* to nhất ở xứ

Đông *pháp* [Dương]. Thành phố ấy ở trên bờ sông Sài Gòn, có hai cái lạch chảy hai bên, có đường sắt, đường bộ và nhất là đường thủy, tức các nhánh sông Cửu Long (Mékong), sông Đồng Nai và nhiều những *kênh*, ngòi, làm giao thông với các tỉnh khác và xứ Cao Mên nữa. Có rất nhiều những tàu, sà lan và các thuyền chở thóc lúa ở khắp xứ Nam *kỳ* [Việt] về Chợ Lớn, mang lên các nhà máy gạo để xay, giã, rồi lại chở sang bên Sài Gòn để *xuất cảng*. Ở ngoài bên thì có tàu biển chạy ra Bắc *kỳ* [Việt], sang Tàu, Nhật, Xiêm, Phi Luật Tân, Nam Dương quần đảo, sang Pháp và các nước khác bên Âu Châu.

Giải nghĩa:

Hải cảng = chỗ cửa bể người ta sửa sang cho tàu bè có chỗ đậu.

Kênh = sông người đào ra.

Xuất cảng = ở trong nước chở đi nước khác.

***Sài Gòn là kinh đô xứ Nam kỳ.
[Sài Gòn là hải cảng to nhất ở Đông Dương]***

97. KHÔNG ĐÁNH ĐÁO

- Đi đánh đáo đi.

- Không, không đánh đáo.

Cậu Phái rủ cậu Tư không được, mới bảo rằng:

- Sao lại không đánh? Mà không có tiền à? Có muốn vay, tao cho vay.

Tư đáp: - Tao không có tiền thật, mà tao cũng không muốn vay. Tao đã bảo tao không đánh đáo mà.

- Ủ, thế tại làm sao?

- Tại đánh đáo không hay. Thua thì mất tiền của mẹ cha, mà được thì cái tiền ấy cũng vào *kẹo bánh* hết. Mà có *đá cầu chuyền* (đá kiện) chơi, thì tao đá với mày thôi. Tao sẵn có quả cầu đây.

Phái nghe, bằng lòng đá cầu chơi với Tư, thôi không đánh đáo nữa.

Giải nghĩa:

Vào kẹo bánh = ý nói đem tiền đi mua kẹo bánh cả.

Đá cầu chuyền = lấy chân hay tay đá quả cầu sang để cho người khác đỡ mà đánh lại.

Cờ bạc là bác thủng bản.

98. TIẾNG ĐỘNG BAN ĐÊM

Một đêm nằm mãi không ngủ được, tôi *lắng tai* nghe những tiếng động ở nhà.

Ở dưới giường, *con mọt* nghiền gỗ kèn kẹt như người đưa võng. Ở đầu giường, cạnh cái

tử, chuột chạy sột sạt (rọt rẹt) bên cạnh mình, muỗi kêu vo vo. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng con mối (thần lằn) bắt muỗi. Con *nấc nẻ* bay xè xè bên vách. Không những ở trong nhà, mà ở ngoài cũng có tiếng động. Cạnh nhà, gió thổi vào những tàu lá chuối, nghe như mưa; ngoài vườn, tiếng *dế* kêu ri ri. Trời mới mưa, các chỗ trũng (hũm) đầy nước cả, nên cóc và ếch, nhái, đều kêu inh ỏi (vang). Xa xa, thì nghe tiếng có sũa trắng.

Giải nghĩa:

Lắng tai = cố hết sức nghe.

Con mọt = con sâu ăn gỗ.

Nấc nẻ = một thứ côn trùng về loài bướm, cánh nhỏ, mình to và có lấm phần.

Dế = một thứ côn trùng có cánh, có càng hay ở lỗ, ở bãi cỏ.

Thức lâu mới biết đêm dài.

[Đêm tháng Năm chưa nằm đã dậy]

99. GIÓ

Không khí trên mặt đất *chuyển động* luôn, không lúc nào đứng yên. Không khí chuyển động là vì nóng lạnh khác nhau. Không khí nóng thì nhẹ, lạnh thì nặng. Nhẹ thì bốc lên, nặng thì chìm xuống. Bởi thế cho nên chỗ nào không khí nóng bốc lên, thì không khí lạnh đổ xô lại, để bù vào chỗ khuyết. Cũng như trong nhà đốt lửa, thì hơi nóng theo ống khói mà bay lên, hơi lạnh ở ngoài theo khe cửa mà luôn vào. Ở trên mặt *địa cầu* cũng vậy, không khí ở chỗ nóng bốc lên ở chỗ lạnh chạy lại. Không khí chuyển động như thế, tức là gió.

Giải nghĩa:

Không khí = khí trời ở trên không.

Chuyển động = chạy đi chạy lại luôn, không đứng yên.

Địa cầu = trái đất.

Cây muốn lặng, gió chẳng dừng.

100. CÁC LĂNG TÂM Ở HUẾ

Cách kinh thành Huế một ít, ở trên bờ sông Hương có những *lăng tâm* của vua nhà Nguyễn.

Muốn vào đây thì phải đi qua những con đường rộng hai bên giồng (trồng) cây to, những cái sân rất rộng hai bên có tượng đá tạc hình các quan văn, võ, voi, ngựa, đứng chầu, [;] rồi trèo lên những bậc thềm đá hai bên có rồng chạy, những đợt bệ cao bày những thống lớn; lại đi qua những cái cửa bằng đồng, những cái cầu bắc qua hồ, ao, dưới thả sen. Cứ thế mà đi, thì trước đến chỗ *bi đình*, trong dựng bia kể sự nghiệp vua, rồi đến điện thờ ngài, rồi sau mới đến mộ có cây cối *um tùm*, không biết quan quách trôn ở chỗ [chôn ở nơi] nào cả.

Giải nghĩa:

Lăng tâm = mộ vua chúa, xây rất đẹp đẽ.

Bi đình = nhà, trong có dựng bia.

Um tùm = xanh tốt, rậm rạp.

Lãng tâm ở trong Huế.

101. CÔNG NGHỆ

Ở Đông pháp [Dương] có nhiều công nghệ. Nghề làm đồ đồng, đồ gỗ, đồ thêu, đồ cẩn, đồ sơn và nghề dệt các thứ tơ lụa đều có vẻ thịnh vượng. Nghề làm nồi, làm bát, làm chiếu, làm mật, làm đường đã có nhiều nơi *phát đạt* lắm. Nhưng xưa nay, các công nghệ của ta có cái thói lạ, là nhiều nơi có nghề gì riêng, thì cố giữ, không cho nghề ấy lọt ra ngoài. Mỗi nghề lại thờ một ông thánh sư, là người đã *sáng lập* ra nghề ấy. Ở chỗ *thành thị* cũng vậy, ai làm nghề gì, hay buôn bán thứ gì thường ở chung với nhau một phố, như phố hàng sắt, hàng đồng, hàng giấy, hàng lọng, v.v... Cái thói giữ riêng từng nghề như thế, thì ngày nay đã mất dần đi rồi, nhất là ở chỗ thành thị, các phố xá không chia từng nghề như trước nữa.

Giải nghĩa:

Phát đạt = thịnh vượng, càng ngày càng hơn.

Sáng lập = khởi đầu lập ra.

Thành thị = chỗ có các công sở đông và có nhiều người ở buôn bán, và làm các công nghệ.

Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.

102. PHẢI TUÂN THEO PHÁP LUẬT

Có pháp luật, thì trong nước mới được bình yên, nhân dân mới được vui vẻ mà làm ăn. Pháp luật đặt ra là vì lợi ích chung cả mọi người, nếu không có pháp luật thì không thành *xã hội* được.

Nhờ có Nhà nước đặt ra [Nhờ có đặt ra] pháp luật, đem pháp luật mà *thi hành*, phân xử mọi việc, trừng trị những kẻ gian phi, trộm cướp, thì *tính mệnh* ta, của cải ta, danh giá ta, mới không sợ ai xâm phạm đến. Nhờ có pháp luật thì việc cày cấy, việc buôn bán, và các nghề nghiệp mới được thịnh vượng, học hành mới được mở mang, đường xá mới được tốt đẹp; nói rút lại, mọi người mới được yên nghiệp [phận] làm ăn.

Vậy dân trong nước, ai ai cũng phải tuân theo pháp luật.

Giải nghĩa:

Xã hội = người ở quần tụ với nhau, cùng theo một lệ luật.

Thi hành = đem ra bắt phải theo.

Tính mệnh = đời người.

Pháp luật che chở cho cả mọi người, vậy ai cũng phải tuân theo.

103. NGƯỜI ĐI BUÔN THẬT THÀ

Anh Thương, từ khi đậu được bằng *việt nam* [*Việt Nam*] *sơ học* rồi không học nữa, ở nhà coi hàng giúp mẹ. Sau đi làm công cho một cửa hàng to⁽¹⁾, để học nghề buôn bán. Khi đã sành nghề rồi, anh ta mới về mở một cửa hàng buôn bán đồ *tạp hoá*.

Anh ta đi buôn, biết lấy điều cẩn thận, thật thà làm đầu. Tuy thấy hàng hoá bán chạy, có nhiều người đến mua nhưng không bao giờ anh ta giờ lỏi *gian ngoa* để tham lấy nhiều lợi. Các bạn hàng thấy vậy, ai cũng tin bụng thật thà của anh Thương, mà đến mua rất

đông. Bởi vậy cái cửa hàng⁽²⁾ của anh ta *phát đạt* và thịnh vượng lắm.

(1) tiệm lớn. – (2) tiệm.

Giải nghĩa:

Việt Nam sơ học = đây là bằng của những học trò học hết bậc sơ đẳng ra thi.

Tạp hoá = hàng vặt, đủ các thứ cần dùng của người ta.

Gian ngoa = cách điên đảo, giả dối.

Phát đạt = buôn bán chạy, được nhiều lãi.

Khôn ngoan chẳng lọ thực thà.

104. HÀ NỘI KINH ĐÔ MỚI NGÀY NAY

Xưa kia, về đời quốc triều ta, thành Hà Nội cũng đã là kinh đô nước Nam [Việt Nam] rồi. Thời đó chỉ có một khu thành trong là *dinh thự* các quan, ngoài thì dân sự buôn bán, phố xá chật hẹp khúc khuỷu. Từ ngày nước Pháp sang bảo hộ đến nay, thành phố ấy đã mở mang rộng rãi ra nhiều.

Ồ [Ngày nay] khu người bản xứ ở, thợ thuyền, buôn bán nay vẫn còn ở cùng với nhau thành từng nghề một như trước, nhưng đường đi đã mở rộng thêm ra, mà nhà cửa cũng đã xây thẳng hàng cho tiện đi lại và thoáng khí. Còn trong khu người tây [Pháp] ở thì có những đường rộng hai bên giồng (trồng) cây to và có các nhà lầu đẹp để cùng các cửa hàng buôn trông rất là *lộng lẫy*. Trong thành phố, có vườn Bách thú, dinh quan Toàn quyền, trường Cao đẳng, một nhà hát, hai *viện bảo tàng* và nhiều vườn hoa trong có tượng hoặc đài kỷ niệm làm cho quang cảnh thêm vẻ đẹp ra.

Giải nghĩa:

Dinh thự = nhà các quan to ở.

Lộng lẫy = sáng sủa, sạch sẽ mà có nhiều hàng bày trông rất đẹp mắt.

Viện bảo tàng = nhà để chứa những đồ quý hoặc đời nay hoặc đời xưa.

Trong thành phố Hà Nội có nhiều đường rộng.

105. CHƠI ĐÙA KHÔNG PHẢI LÀ VÔ ÍCH

Cứ đến giờ chơi, học trò ra cả ngoài sân, đùa thì chạy nhảy, đùa thì đánh quay (đánh vù), chơi đùa⁽¹⁾ [đùa] âm ỹ, thật là vui vẻ. Duy có cậu Tí cứ cầm quyển⁽²⁾ [quyển] sách đọc, không chịu chơi.

Thầy giáo thấy thế đã nhiều lần, một hôm gọi cậu Tí lại hỏi. Cậu ấy thưa rằng: “Thưa thầy, con tưởng đã đi học, thì chỉ cốt chăm lo học hành, chơi đùa làm gì cho phí thời giờ”. Thầy nói: “Cũng khá khen cho con là đùa chăm học. Nhưng *miễn* là đừng lười⁽³⁾ [lười] biếng thì thôi, chứ chơi đùa chạy nhảy, cũng không phải là vô ích. Nếu con *mài miết* [mài miết] học cả ngày, không nghỉ một phút nào, thì trí khôn sinh *quần*, mà thân thể cũng mỏi mệt, học sao tinh tường được. Vậy phải có học và có chơi, thì sự học mới dễ dàng và chóng tấn tới.

(1) trùng đờn []. - (2) cuôn []. - (3) lạm []. ([] = Tuyển Tập QVGKT, NXB Văn Học 2011 không có các chú thích này.)

Giải nghĩa:

Miền là = cũng nghĩa như quý hồ.

Mài miệt = luôn với quyển sách, không lúc nào rời ra.

Quần = bối rối, không sáng trí khôn.

Học hẳn ra học, chơi hẳn ra chơi.

106. ÔNG VUA CÓ LÒNG THƯƠNG DÂN

Vua Thánh Tôn nhà Lý là một ông vua nhân từ, có lòng thương dân. Một năm, trời làm rét⁽¹⁾ lắm, vua nghĩ đến những người *tù phạm* phải *đam* [giam] ở trong ngục, bèn bảo các quan rằng: “Trẫm ở trong *cung*, ăn mặc như thế này mà còn rét. Những kẻ nghèo khó, những tù nhân phải trời buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc, thì khổ sở đến đâu?” Nói rồi truyền lấy chăn⁽²⁾, chiếu phát cho tù. Lại có một hôm, đang buổi chiều, có công chúa đứng hầu bên cạnh, vua chỉ vào công chúa mà bảo các quan rằng: “Lòng trẫm yêu dân cũng như yêu con trẫm vậy. Chỉ vì *trẫm họ* ngu dại, làm càn phải tội. Vậy từ nay về sau, tội gì cũng giảm bớt đi”.

(1) lạnh. – (2) mền.

Đại ý:

Bài này trích ở sử ra; nhà chép sử chỉ nói vua Lý Thánh Tôn tỏ lòng thương những kẻ tù phạm, mà không nói gì đến những người lương dân, là có ngụ ý rằng: đến kẻ tù phạm, mà vua còn thương như thế, huống chi là những người làm ăn lương thiện. Cứ xem câu “Lòng trẫm yêu dân cũng như yêu con” thì đủ biết cái lòng nhân của ngài bao dung cả thiên hạ.

Giải nghĩa:

Tù phạm = người có tội, phải giam trong ngục.

Cung = nhà của vua ở.

Trẫm họ = dân gian, người thường dân.

Ông vua phải thương dân như [hơn] thương con.

107. MẶT TRỜI.

Mặt trời cũng là một trái cầu tròn như trái đất ta ở, nhưng lớn hơn trái đất không biết bao nhiêu mà kể⁽¹⁾. Ta coi hình như bé, là tại mặt trời xa trái đất vô cùng. Xung quanh mặt trời có những ngôi sao nhỏ gọi là *hành tinh*. Trái đất ta cũng là một vị hành tinh. Khí nóng và ánh sáng do ở mặt trời mà ra. Ta ở trên mặt đất mà có ánh sáng và có khí nóng là nhờ có cái ánh sáng và cái khí nóng ở trên mặt trời chiếu xuống. Không có mặt trời thì trái đất đời đời tối tăm, lạnh lẽo, cỏ cây không mọc được và người cũng không sống được.

(1) Lời dặn ông thầy. - Cái bán kính mặt trời dài hơn bán kính của trái đất một trăm chín lần.

Giải nghĩa:

Hành tinh = ngôi sao đi quanh mặt trời.

Mặt trời chiếu ánh sáng cho ta.

108. ĐƯỜNG XE LỬA CHẠY SUỐT XỨ ĐÔNG PHÁP [DUƠNG]

Ở xứ Đông pháp [Duơng], người Pháp đã đặt ra nhiều đường xe lửa để chở hành khách và hàng hóa cho chóng, hiện nay những đường ấy đã qua những nơi giàu có và nông dân ở rồi.

Trong các đường xe lửa ấy, con đường quan trọng nhất là đường chạy suốt cõi Đông pháp [Duơng], khi nào làm xong thì các nơi, từ biên thùy nước Tàu cho đến biên thùy nước Xiêm, có thể giao thông với nhau được. Hiện nay đã làm xong được hai đoạn rồi: một đoạn về bắc từ Na Sầm đến cửa Hàn, một đoạn về nam từ Nha Trang đến Sài Gòn. Nhưng đợi đến khi cả đường làm xong thì có ô tô chở hành khách từ Nha Trang ra cửa Hàn và từ Sài Gòn sang Xiêm, thành thử từ Bắc vào Nam chẳng mất mấy nổi thời giờ, *đi thẳng một mạch* chỉ mất có hai ngày rưỡi mà thôi.

Giải nghĩa:

Đi thẳng một mạch = đi luôn không ở lại đâu lâu cả.

Đi xe lửa rất chóng.

109. MẶT TRĂNG

Mặt trăng cũng là một trái cầu như trái đất ta ở, nhưng nhỏ hơn trái đất. Mặt trăng không có khí nóng và ánh sáng. Cái ánh sáng mà ta coi thấy ban đêm là của mặt trời chiếu sáng, cũng y như ánh sáng ngọn đèn giọi vào mặt gương vậy.

Mặt trăng đi xung quanh trái đất. Tính theo tháng ta thì từ ngày mồng một, mồng hai, lúc chập tối, chỉ coi thấy mặt trăng có cái vành sáng cong cong như lưỡi liềm, rồi dần dần⁽¹⁾ cái vành sáng ấy lớn ra. Đến ngày *rằm* thì sáng đủ cả mặt tròn. Từ hôm mười bảy trở đi, mãi đến khuya mới trông thấy trăng, mà mỗi ngày một *khuyết* dần⁽²⁾ đến ngày hai mươi tám, hai mươi chín thì không thấy nữa.

Khi trăng sáng tròn đủ cả, gọi là trăng tròn; khi sáng có một phần gọi là trăng khuyết.

(1) lần lần. – (2) lần.

Giải nghĩa:

Rằm = ngày mười lăm tháng ta.

Khuyết = là thiếu, không đủ cả mặt tròn.

Mặt trăng chạy quanh trái đất.

110. CÁC CÁCH ĐI THỦY ĐI BỘ

Đời bây giờ, người ta đi lại thật lắm cách. Chẳng những đi chân, đi *cáng*, đi ngựa như xưa thôi, lại còn đi xe tay, xe ngựa, xe đạp, xe hơi, xe máy, xe điện, xe lửa. Ấy là các cách đi bộ. Còn đi thủy, thì chẳng những thuyền⁽¹⁾ chèo, thuyền buồm, bè mảng mà thôi, người ta lại còn đi tàu thủy, chạy bằng hơi bằng máy, rất mau nữa.

Ấy *đường bộ*, *đường thủy*, đã có lắm cách tài giỏi và mau chóng như thế, mà người ta còn cho là thường. Nên người ta lại chế ra thứ máy bay, bay bổng trên trời như chim; tàu lặn, lặn ngầm dưới nước như cá.

(1) ghe.

Giải nghĩa:

Cánh = thứ võng có mui che ở trên.

Đường bộ = lối đi trên mặt đất.

Đường thủy = lối đi trên mặt nước.

Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

111. CỐI GIÃ GẠO

Gạo xay ra, phải giã cho trắng, thì mới ăn được. Giã gạo đã có một thứ cối lớn bằng đá, chôn xuống đất. Trên có cái cần lớn và dài, bằng gỗ. Một đầu cần, thì có cái chày, gọi là mỏ, bỏ xuống vừa vào giữa lòng cối. Chia ba một phần cần, về đàng đầu kia, thì có cái *trục* suốt qua cái cần, và gồi đầu vào hai súc gỗ có đục lỗ sẵn. Hai bên có hai tấm ván, gọi là bàn cối.

Gạo đã đổ vào cối, một người đứng, hai tay *núu* vào hai cái dây treo trên mái nhà. Một chân đứng lên bàn cối, một chân đạp vào cái cần mà giã xuống, thì đầu chày dơ lên. Khi nhấc chân lên, thì đầu chày rơi⁽¹⁾ vào cối. Cứ giã như thế độ một chốc, gạo xát hết nọ với hạt kia, *gióc* (*tróc*) hết vỏ mà trắng dần⁽²⁾ ra. Gạo giã xong, người ta đem *giần*: cám thì cho lợn ăn, tấm thì để nấu ăn cũng như cơm.

(1) rớt. – (2) lần.

Giải nghĩa:

Trục = then gỗ chót ngang một cái gì đó. Có nơi gọi là cốt.

Núu = tay nắm lấy mà vịn vào.

Gióc (*tróc*) = tuột vỏ ra.

Giần = để vào một thứ sàng mau mắt, rồi lắc cho cám và tấm rơi xuống.

Giã gạo bằng cối đá to.

112. CUỘC DẪN THỦY NHẬP ĐIỀN

Muốn cấy lúa thì phải đem nước ở sông lạch chung quanh vào ruộng; cho được như thế thì phải làm những cuộc gọi là cuộc dẫn thủy nhập điền.

Từ ngày nước Pháp sang bảo hộ bên ta, đã làm nhiều những cuộc ấy, nhất là ở Kép, Vĩnh Yên, Sông Cầu ngoài Bắc kỳ [Việt]; ở Thanh Hóa, Phú Yên trong Trung kỳ [Việt].

Cuộc lớn nhất là cuộc dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hóa. Làm từ năm 1918 đến năm 1925 thì xong. Nhờ có cuộc ấy, những đất trước kia bỏ hoang nay đã cấy lúa, giống (trồng) bông, giống mía được mà những đất đã cày cấy này *thu hoạch cũng hơn* [cũng khôn hơn] lên được nhiều.

Giải nghĩa:

Thu hoạch = thu các hoa màu ở ruộng đất.

Dẫn thủy nhập điền để cấy lúa.

113. NHÀ Ở PHẢI SẠCH SẼ VÀ CÓ NGĂN NẮP

Độ nọ tôi có vào chơi nhà anh Thanh, mà tôi còn nhớ mãi đến bây giờ. Nhà anh ta chẳng lấy gì làm giàu có lịch sự, nhà gianh (tranh), vách đất, nhưng thật là sạch từ công sạch

vào.

Trong nhà bày ít đồ đạc, chỉ những đồ tre gỗ *xuyềnh xoàng* thôi, nhưng cái nào cái nấy, xếp đặt có hàng lối phân minh, *ngăn nắp* chỉnh tề. Kể từ bức tranh dán trên vách, cho đến cái khóm hoa, giàn lý trước cửa, cái gì cũng có ý *vi [nhị]* cả, ai ngó thấy cũng phải ưa. Ấy thế mới biết người ta không kỳ giàu nghèo, hễ ai biết xếp đặt cho có ngăn nắp, và biết giữ gìn cho được sạch sẽ, thì đâu ở đâu cũng vui cũng đẹp.

Giải nghĩa:

Xuyềnh xoàng = không có cái gì là trang hoàng lịch sự.

Ngăn nắp = có trật tự, đâu ra đấy.

Ý nhị = có vẻ đẹp con mắt và có thú vị.

Nhà ở phải giữ sạch sẽ và có ngăn nắp.

114. CÁC TINH TỬ

Những đêm sáng trời, ta thử ngửa mặt lên trời mà coi, thì thấy không biết *cơ man* nào là những đốm sáng nhấp nháy, càng trông càng thấy nhiều. Ấy là những ngôi sao. Những ngôi sao ấy, ta trông thấy nhỏ *li ti*, nhưng chính thật thì lớn vô cùng, lớn hơn trái đất của ta hàng mấy mươi nghìn lần. To nhưng mà trông thấy nhỏ, là vì sao cách trái đất xa không biết thế nào mà kể. Mặt trời cũng là một ngôi sao, nhưng mặt trời gần trái đất hơn, cho nên ta trông thấy lớn. Mặt trăng thì không phải là ngôi sao, và không to bằng mặt trời, nhưng ở gần trái đất hơn, cho nên ta trông được rõ.

Giải nghĩa:

Tinh tú = tiếng nói gồm cả các sao ở trên trời.

Cơ man = nhiều không thể đếm được.

Li ti = nhỏ bằng hạt tằm.

Ban đêm sao nhấp nháy trên trời.

115. CÔNG VIỆC CỦA NGƯỜI LÀM RUỘNG

Ở nhà quê, *quanh năm ngày tháng*, ai cũng chăm về việc cây cấy. Sớm tối lo làm ăn, hết công nọ đến việc kia, không mấy khi được *nhàn hạ*. Khi hạt giống đã gieo xuống đất, đêm ngày mong được nắng, được mưa, cho cây mạ mọc lên tươi tốt. Cây mạ lên đã đủ sức rồi, phải nhổ lên, đem ra cấy vào ruộng. Ruộng cấy xong, nhưng công việc đã xong đâu. Còn phải bón phân, nhổ cỏ. Lỡ khi trời nắng khô khan, phải tát nước vào ruộng cho cây lúa được mạnh mẽ, thì rồi bông lúa hạt thóc mới được tốt đẹp. Đến khi lúa chín, gặt về, đập ra, phơi khô. Bấy giờ mới chắc được thóc gạo mà ăn. Nghề làm ruộng khó nhọc như thế, cho nên phải cần mẫn mới được.

Giải nghĩa:

Quanh năm ngày tháng = nói cả năm, lúc nào cũng thế.

Nhàn hạ = thong thả, không phải làm lụng, lo lắng gì.

Nghề làm ruộng phải cần mẫn lắm.

116. VIỆN PASTEUR

Có lắm bệnh như bệnh dịch hạch, bệnh tả, bệnh chó dại, bệnh lao, do những con *sinh vật* rất nhỏ, mắt không trông thấy được, gọi là *vi trùng*, mà phát ra. Muốn trị các bệnh ấy, trước phải tìm xem giống vi trùng nào gây nên, rồi mới tìm thuốc hoặc để phòng, hoặc để chữa. Nay tìm được như thế là nhờ có một nhà khoa học đại tài người Pháp tên gọi là Pasteur. Chính ông đã tìm ra vi trùng bệnh chó dại và thuốc trị bệnh ấy; nhờ đó mà cứu được biết bao nhiêu là mạng người. Về sau, các nhà khoa học mới theo *phương pháp* của ông mà tìm ra vi trùng những bệnh khác. Các ông ấy làm việc trong những sở người ta lấy tên nhà khoa học Pasteur mà đặt ra viện Pasteur. Ở Đông pháp [Dương] nay có ba viện Pasteur: một viện ở Sài Gòn, một viện ở Nha Trang, một viện ở Hà Nội.

Giải nghĩa:

Sinh vật = tên gọi những giống biết ăn, biết uống, hoặc vận động được, hoặc không, nhưng sinh sản được mà có sống có chết.

Vi trùng = những con trùng nhỏ.

Phương pháp = cách thức mình phải tuân tụt theo làm một công việc gì.

Ông Pasteur là một nhà khoa học đại tài.

117. NGHỈ HÈ

Trời nóng nực khó chịu. Học nhiều, nghĩ lắm, sợ đuối sức và mệt trí, nên vào khoảng mấy tháng hè, từ *trung tuần* tháng sáu đến đầu tháng chín tây, thì các tròng đầu đầy đóng cửa.

Tuy vậy, người học trò tốt, không *lấy nê*⁽¹⁾ rằng nghỉ mà sao nhãng hẳn sự học. Mỗi ngày cũng phải *ôn tập* lại các bài trong một vài giờ, thì mới không quên được những điều đã học. Có thể thì năm sau vào tròng mới *hòng* có đủ sức mà ganh (tranh) đua với chúng bạn.

(1) ta.

Giải nghĩa:

Trung tuần = khoảng mười ngày vào giữa tháng.

Lấy nê = nhân một việc gì mà làm một việc khác.

Ôn tập = học tập lại những bài cũ.

Hòng = mong đợi.

Học hành không nên sao [xao] lãng bao giờ.

118. ÔNG GIÀ VỚI BỐN NGƯỜI CON

Một ông lão làm ruộng có bốn người con trai. Một hôm, ông gọi cả bốn người lại trước một cái bàn, trên để một bó đũa và một túi bạc. Ông bảo rằng: "Hễ đứa nào *bẻ gãy* được [*bẻ* được] bó đũa này, thì ta cho túi bạc."

Bốn người con, mỗi người thử một lượt, không ai bẻ được. Ông già bèn cởi bó đũa ra, bẻ từng chiếc một, thì bẻ gãy như chơi. Các con nói rằng: "Nếu bẻ cái một thì chẳng khó gì." Người cha bảo: "Này các con, như thế thì các con biết rằng: muốn có sức mạnh thì phải *hợp quần*. Khi ta chết rồi, thì các con phải nhớ đến chuyện bó đũa này. Các con phải thương yêu nhau, đùm bọc lấy nhau, thì mới đủ thể lực mà đối với người ngoài".

Giải nghĩa:

Bé = lấy tay uôn cho gãy.

Hợp quần = nhiều người xum họp với nhau.

Muốn có sức mạnh, thì phải hợp quần.

119. NGƯỜI KHÔN HƠN LOÀI VẬT

Ngày xưa, có một người đi cày đánh đập con trâu thế nào cũng phải chịu. Con *cọp* ngồi trên bờ, nom thấy mới hỏi trâu rằng: "Trâu kia, mày to lớn nhường ấy, sao mày để nó đánh đập như thế?". - Trâu nói: "Nó bé nhưng *trí khôn* nó lớn". Cọp lấy làm lạ, không biết cái *trí khôn* ra thế nào, mới bảo người rằng: "Người kia, *trí khôn* của mày đâu, cho tao xem?". - Người nói: "Trí khôn tôi để ở nhà". - "Mày về lấy đi". - "Tôi về, rồi ông ăn mất trâu của tôi thì sao? Ông có thuận để cho tôi trói ông lại, tôi về lấy cho ông xem". Cọp muốn xem, thuận để cho trói. Trói xong, người lấy *bấp cày* (inh cày) đánh mãi, bảo rằng: "Trí khôn tao đây!".

Vậy mới biết: mạnh *chẳng tày* khôn.

Giải nghĩa:

Cọp = giống ác thú ở trên rừng, hay bắt người và các loài vật khác mà ăn. Người ta còn gọi là hổ, hùm, beo, kễnh, khái, v.v...

Trí khôn = cái trí để người ta biết cái hay, cái dở, cái phải, cái trái.

Bấp cày = đoạn tre dài nối vào cái cày cho trâu bò kéo.

Chẳng tày = không bằng.

Mạnh dùng sức, yếu dùng chước.

120. TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Ngày nay, Nhà nước đã mở ra nhiều trường để dạy cho ta những điều *thường thức*, mà ở đời này ai cũng cần phải biết. Năm 1917 thì mở ra một trường dạy về bậc cao đẳng: đó là trường Đại học Đông Pháp. Trường Đại học nay có cả thầy 7 trường, mỗi năm sinh viên thi đỗ ra, làm y sĩ, như những *y sĩ* ta thường thấy ở các *bệnh viện* Đông Pháp - làm thú y đi chữa bệnh cho *gia súc* - làm tham tá công chánh như những viên tham tá ta thường gặp ở ngoài đường *đốc thức* việc xây cầu cống hay là họa đường - làm giáo sư bậc Cao đẳng tiểu học, dạy ở trường Trung học Pháp Việt và những trường Cao đẳng [] Tiểu học Nam Định, Hải Phòng, Thái Bình, Bắc Ninh, Lạng Sơn. Lại còn có nhiều sinh viên đang học ở trường Đại học nữa để sau này ra, nhờ Nhà nước chỉ bảo cho, mà làm công kia việc nọ, cốt sao cho ta được *phong lưu*, sung sướng, giỏi giang, nên người vậy.

(Chú thích: [] = Tuyển Tập QVGKT, NXB Văn Học 2011 không có các chữ có nét gạch dưới -TV.)

Giải nghĩa:

Thường thức = điều thông thường cần phải biết.

Y sĩ = thầy thuốc chữa bệnh người.

Bệnh viện = nhà thương, nhà để chữa người ốm.

Gia súc = vật nuôi trong nhà.

Đốc thúc = trông nom bảo ban cho người ta làm.

Phong lưu = không thiếu thốn gì, nhàn thân không phải lo lắng gì về đường sinh hoạt.

Có nhiều sinh viên học ở trường Đại học.